

Số: /ĐA-UBND

Sóc Trăng, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

ĐỀ ÁN
Chuyển đổi số tỉnh Sóc Trăng đến năm 2025,
định hướng đến năm 2030

PHẦN I
BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT CHUYỂN ĐỔI SỐ

I. BỐI CẢNH QUỐC TẾ VÀ TRONG NƯỚC

1. Bối cảnh Quốc tế

Thế giới đang trong giai đoạn bắt đầu của Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, một cuộc Cách mạng công nghệ mới, đặc biệt khác với các Cuộc cách mạng trước đây. Về tốc độ, tăng theo hàm lũy thừa. Về phạm vi và chiều sâu, đây là cuộc Cách mạng dựa trên cách mạng số và kết hợp nhiều công nghệ, dẫn đến sự thay đổi chưa từng có tiền lệ trong mô hình kinh tế - xã hội. Về tác động hệ thống, bao gồm sự chuyển đổi của toàn bộ hệ thống, khắp các quốc gia, các doanh nghiệp, các ngành công nghiệp và toàn xã hội. Cũng như các cuộc cách mạng khác, phải chấp nhận sự “đập bỏ, hy sinh” những cái cũ, lạc hậu để có cái mới, cái nền tảng, phù hợp quy luật phát triển và tiến hóa. Để thực hiện được cuộc Cách mạng này thành công, không để tụt hậu, lỡ chuyên tàu 4.0, các nước phải thực hiện “Chuyển đổi số”. Việc chuyển đổi số sẽ làm thay đổi thế giới, nhưng không có nghĩa là không có thể điều khiển, can thiệp quá trình này. Kinh nghiệm của những lần chuyển đổi công nghệ trước đây đã cho thấy, những nước đi đầu trong ứng dụng và phát triển công nghệ mới sẽ luôn là những nước thịnh vượng, phát triển nhất.

Hiện nay, định nghĩa về chuyển đổi số chưa có chuẩn hóa, nhiều tổ chức, doanh nghiệp có các định nghĩa riêng của mình, nhưng trên một góc nhìn tổng quát: *Chuyển đổi số (Digital Transformation) là việc sử dụng dữ liệu và công nghệ số để thay đổi một cách tổng thể và toàn diện tất cả các khía cạnh của đời*

sống kinh tế - xã hội, tái định hình cách chúng ta sống, làm việc và liên hệ với nhau. Có thể nói, chuyển đổi số là việc cấp bách nếu muốn phát triển; trên quy mô quốc gia, chuyển đổi số ảnh hưởng ngày càng lớn đến tăng trưởng GDP, năng suất lao động và cơ cấu việc làm.

Nội dung chuyển đổi số của các nước có khác nhau, phụ thuộc vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của mỗi nước. Tuy nhiên, nói chung đều hướng tới các nội dung chính sau:

- **Chuyển đổi số nền kinh tế (kinh tế số)**, bao gồm: 1) Phát triển các doanh nghiệp số; 2) Chuyển đổi số cho các doanh nghiệp truyền thống (hướng tới sản phẩm tích hợp số; chuyển đổi mô hình kinh doanh trên nền tảng số; thay đổi quy trình sản xuất dựa trên dữ liệu số, tự động hóa, ảo hóa,...); 3) Phát triển tài chính số; 4) Phát triển thương mại điện tử;

- **Chuyển đổi số xã hội (xã hội số)**, trong đó tập trung vào các lĩnh vực như: ứng dụng công nghệ số để nâng cao chất lượng dịch vụ, giảm khoảng cách xã hội (như giáo dục, y tế, văn hóa, an toàn an ninh xã hội,...);

- **Chuyển đổi số trong một số ngành trọng điểm để phát triển kinh tế xã hội** (như nông nghiệp, du lịch, y tế, giáo dục, an sinh xã hội,...);

- **Chuyển đổi số trong cơ quan Nhà nước (Chính quyền số)**, hướng tới cung cấp dịch vụ công thuận tiện cho người dân, tăng cường sự tham gia người dân trong các hoạt động cơ quan nhà nước (CQNN); tăng cường hiệu quả hoạt động và đổi mới trong các CQNN; phát triển dữ liệu mở của CQNN để tạo điều kiện phát triển kinh tế xã hội.

Để thực hiện chuyển đổi số theo các lĩnh vực trên, các nước cũng xác định các yếu tố nền tảng cần bảo đảm, bao gồm:

- **Phát triển hạ tầng số** (phát triển mạng di động thế hệ mới, kết nối cáp quang đến các gia đình, doanh nghiệp, cung cấp WiFi miễn phí tại khu vực công cộng, phát triển điện toán đám mây- cloud computing, hạ tầng IoT, BigData,...);

- **Phát triển lực lượng lao động có kỹ năng số** (digital skills);

- **Đẩy mạnh công tác nghiên cứu công nghệ số mới;**

- **Xây dựng môi trường pháp lý để bảo đảm môi trường an toàn, tin cậy, thúc đẩy chuyển đổi số.**

Để thực hiện các nội dung trên, các nước đã đưa ra những mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp mạnh mẽ để thực hiện chuyển đổi số, đến nay nhiều nước đã có những thành tựu và đi đầu thế giới trong chuyển đổi số.

2. Bối cảnh trong nước

Sau hơn 30 thực hiện đổi mới, kinh tế - xã hội (KTXH) Việt Nam đã đạt được những thành tựu vô cùng to lớn. Việt Nam đã được các tổ chức và bạn bè quốc tế đánh giá thuộc nhóm tăng trưởng cao nhất châu Á cũng như thế giới. Theo đánh giá của Ngân hàng thế giới, quá trình đổi mới đã giúp đưa Việt Nam từ một trong những quốc gia nghèo nhất trên thế giới trở thành quốc gia có thu nhập trung bình, có vị thế ngày càng cao trên trường quốc tế.

Tuy nhiên, so với các nước phát triển, Việt Nam vẫn là nước có mức thu nhập trung bình, mức độ cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao. Một trong những yếu tố chính ảnh hưởng đến mức độ thu nhập của người dân là năng suất lao động. Năng suất lao động người Việt Nam còn rất thấp, ngay cả so với các nước trong khu vực, theo báo cáo phân tích từ số liệu của Tổng cục thống kê, năng suất lao động bình quân của một người Việt Nam bằng 1/23 người Singapore, bằng 1/6 người Malaysia, bằng 1/3 người Thái Lan. Nguyên nhân chính của năng suất lao động thấp là năng lực người lao động (kiến thức, kỹ năng lao động) còn thấp, mức độ ứng dụng KHCN trong sản xuất kinh doanh hạn chế. Theo đánh giá về chỉ số nguồn nhân lực của WEF đối với các nước Đông Nam Á năm 2016, 41% nguồn nhân lực của Việt Nam được đánh giá có kỹ năng thấp, chỉ có 10% được đánh giá có kỹ năng cao. Theo báo cáo “Mức độ sẵn sàng cho tương lai của ngành sản xuất” được Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF) công bố vào tháng 01/2018, Việt Nam không nằm trong nhóm các quốc gia sẵn sàng cho nền kinh tế sản xuất tương lai. Trong đó, một số chỉ số được đánh giá yếu kém như “Chỉ số công nghệ và đổi mới” xếp hạng thứ 90/100; chỉ số “Vốn con người” xếp hạng thứ 70/100. Các chỉ số thành phần như “Tiếp thu công nghệ ở doanh nghiệp”, “Tác động của ICT đến dịch vụ và sản phẩm mới”, “Năng lực đổi mới” xếp hạng lần lượt là 78/100, 70/100 và 77/100. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng đang đứng trước thách thức về mất việc làm trong bối cảnh chịu sự tác động của trí tuệ nhân tạo (AI), cũng như robots. Cụ thể, theo Tổ chức Lao động Quốc tế, khoảng 70% việc làm ở Việt Nam có nguy cơ cao bị thay thế bởi tự động hóa trong hai thập kỷ tới. Việt Nam được xác định là quốc gia có nguy cơ cao bị ảnh hưởng nghiêm trọng do tỉ lệ cao nhân công làm việc trong các lĩnh vực may mặc, nông nghiệp và bán lẻ, đây là những ngành có rủi ro bị thay thế cao. Để tiếp tục có những bước phát triển đột phá trong giai đoạn mới, thu hẹp khoảng cách với các nước phát triển, vượt ra khỏi bẫy thu nhập trung bình, bắt buộc chúng ta phải có những nỗ lực, quyết tâm mới, phải bứt

phá để thực hiện khát vọng Việt Nam hùng cường. Một trong những giải pháp căn cơ, nền tảng nhất là chúng ta phải chuyển đổi số mạnh mẽ, đi đầu khu vực trong cuộc CMCN 4.0. Theo báo cáo nghiên cứu của Csiro và Data 61 về kịch bản chuyển đổi số của Việt Nam, nếu Việt Nam không chủ động, chuẩn bị và đầu tư thấp trong lĩnh vực chuyển đổi số thì Việt Nam sẽ rơi vào kịch bản lạc hậu, trong đó, nền kinh tế chuyển đổi số chậm và năng suất lao động trì trệ.

II. BỐI CẢNH TỈNH SÓC TRĂNG

1. Thông tin chung

Sóc Trăng là tỉnh phía nam Sông Hậu, có diện tích tự nhiên là 3.298,2 km² với 72 km bờ biển. Dân số năm 2020 là 1.195.741 người, mật độ dân số 363 người/km², trong đó dân tộc thiểu số là 423.830 người, chiếm 35,44% dân số, dân tộc Khmer là 361.016 người, chiếm 30,19%; dân tộc Hoa là 62.386 người, chiếm 5,22%; còn lại 25 dân tộc khác là 428 người, chiếm tỷ lệ 0,036%; dân số sống ở nông thôn chiếm 67,67%, ở thành thị là 32,33% tổng dân số. Các hoạt động văn hóa, ẩm thực rất phong phú, đặc sắc của địa phương dựa trên truyền thống của ba dân tộc Kinh – Khmer – Hoa trong các dịp Lễ, Tết Nguyên đán, Tết Chôl Chnăm Thmây, Lễ hội Oóc Om Bóc,... của người dân Sóc Trăng.

Diện tích nông nghiệp (bao gồm đất nuôi trồng thủy sản) là 279.398 ha chiếm 84,71% tổng diện tích; Riêng đất nuôi trồng thủy sản có diện tích 57.151 ha chiếm 17,33% tổng diện tích. Theo thống kê năm 2020, dân số trong độ tuổi lao động là 641.910 người (Từ 15 tuổi trở lên) chiếm 53,7% tổng dân số, trong đó tỷ lệ biết chữ là 89,95%, tỷ lệ lao động qua đào tạo chiếm 15,17%, tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo chiếm 84,83%. Tổng thu nhập bình quân đầu người là 35.035.103 triệu đồng/người/năm. Cơ cấu tỷ trọng kinh tế giữa các khu vực: Khu vực I – Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản: 15.942.011 triệu đồng, chiếm 45,1%; Khu vực II – Công nghiệp và xây dựng: 5.823.482 triệu đồng, chiếm 14,5%; Khu vực III – Dịch vụ: 12.084.483 triệu đồng, chiếm 37%. Tổng thu ngân sách năm 2021 là 4.238 tỷ đồng/3662 tỷ đồng, đạt 115,72% kế hoạch giao, tăng 6,7%; Chi ngân sách thường xuyên là 7.045 tỷ đồng/8.054 tỷ đồng, bằng 87,47% dự toán giao, tăng 0,01%; Chi đầu tư là 4.209 tỷ đồng/4.891 tỷ đồng, đạt 86,05%, tăng 1,7% so với năm trước đó.

Tổng số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh là 3.903 doanh nghiệp. Trong đó Số doanh nghiệp lớn là 59; Doanh nghiệp vừa là 79; Doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp siêu nhỏ là 3.765. Số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Công nghệ thông tin là 7. Tổng số lao động tại các doanh nghiệp khoảng 55.000, trong Khu Công nghiệp khoảng 18.000; Số Khu Công nghiệp hiện có trên địa bàn tỉnh: 01.

Về doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh có các doanh nghiệp lớn: Viễn thông Sóc Trăng; Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội - chi nhánh Sóc Trăng (Viettel Sóc Trăng); MobiFone Sóc Trăng; FPT,.. Các đơn vị này thừa hưởng năng lực, sản phẩm của tập đoàn với các hệ sinh thái chuyển đổi số cả 03 trụ cột: Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số. Qua đó sẽ đồng hành với địa phương thực hiện chuyển đổi số. Ngoài ra, tỉnh cũng sẽ có những chính sách để thu hút, tạo điều kiện cho việc thành lập các doanh nghiệp công nghệ số tại địa phương để tham gia vào quá trình chuyển đổi số tài tỉnh nhà.

Chi cho ứng dụng và phát triển Công nghệ thông tin năm 2021: 45,044 tỷ (sự nghiệp 11,784 tỷ; Đầu tư 33.260 tỷ); đạt tỷ lệ ~ 0,15% trên tổng chi ngân sách).

Từ các số liệu trên, cho thấy:

Sóc Trăng là tỉnh có diện tích tự nhiên phần lớn là đất nông nghiệp, chiếm 84,71% tổng diện tích, trong khi kinh tế nông nghiệp chiếm tỷ trọng chưa đến 50% nền kinh tế. Phần lớn dân số trong độ tuổi lao động chưa qua đào tạo (chiếm 84,83%), tỷ lệ người biết chữ thấp (89,95%).

Số lượng doanh nghiệp thấp, bình quân 306,4 người dân có 01 doanh nghiệp (chưa kể doanh nghiệp phần lớn là nhỏ và siêu nhỏ – Theo số liệu công bố năm 2019, tỷ lệ trung bình của Việt Nam là 140 người có 1 doanh nghiệp, của Asean từ 80-100 người có 1 doanh nghiệp, của các nước phát triển như Mỹ, Nhật Bản, Châu Âu cứ 10-12 người có 1 doanh nghiệp)¹.

Đây là những thách thức không nhỏ để thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

2. Hiện trạng Chuyển đổi số

- Nhận thức

Thời gian qua, Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, cùng các cấp, các ngành đã tổ chức nhiều Hội nghị, Hội thảo quán triệt, phổ biến,

¹ Theo số liệu công bố tại Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam giữa kỳ năm 2019 diễn ra ngày 26/6/2019 tại Hà Nội

nâng cao nhận thức đến cán bộ, công chức, người dân và doanh nghiệp về tính tất yếu khách quan và tính cấp thiết của chuyển đổi số phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Qua đó, đã từng bước chuyển đổi nhận thức, hình thành tư duy cho đội ngũ cán bộ, công chức, người dân và doanh nghiệp về chuyển đổi số để hiện thực hóa khát vọng vươn lên, đưa Sóc Trăng vào giai đoạn phát triển mới.

Vấn đề tồn tại: Mặc dù đã có một số chuyển biến tích cực bước đầu, tuy nhiên, nhận thức của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức và đặc biệt là một số người đứng đầu cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp về chuyển đổi số chưa đầy đủ; chưa thể hiện tinh thần quyết tâm, quyết liệt đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số cho đơn vị mình. Người dân, doanh nghiệp chưa thực sự đồng hành cùng cơ quan nhà nước trong ứng dụng các nền tảng số để thực hiện các dịch vụ công.

- Về cơ chế, chính sách

Đảng bộ tỉnh đã thể hiện quyết tâm rất cao trong thực hiện chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn tỉnh thông qua Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 27/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV về chuyển đổi số tỉnh Sóc Trăng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 29/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV về đẩy mạnh cải cách hành chính tỉnh Sóc Trăng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Bên cạnh đó, UBND tỉnh cũng ban hành các Kế hoạch, Chương trình ứng dụng công nghệ thông tin, đảm bảo an toàn thông tin mạng, xây dựng chính quyền điện tử, tham gia cuộc CMCN 4.0, thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số, nâng cao hiệu quả cải cách hành chính.

Vấn đề tồn tại: Việc xây dựng môi trường pháp lý hiện nay vẫn rất chậm, chưa theo kịp nhu cầu xã hội phát sinh, đặc biệt trong các lĩnh vực mới khi thực hiện chuyển đổi số. Cụ thể, như thiếu hành lang pháp lý cho phát triển kinh tế chia sẻ; chia sẻ, mở dữ liệu của cơ quan chính phủ, của doanh nghiệp; bảo vệ dữ liệu cá nhân, thông tin riêng tư; vấn đề quyền, đạo đức khi ứng dụng trí tuệ nhân tạo,.... Điều này gây cản trở rất lớn cho quá trình chuyển đổi số; rõ nhất là điểm chấm về chuyển đổi số của tỉnh các năm qua rất thấp, theo kết quả năm 2021, tỉnh Sóc Trăng xếp hạng 56/63 tỉnh, thành phố.

- Về nguồn nhân lực

Đến nay, 100% CQNN từ cấp tỉnh đến huyện đều có cán bộ chuyên trách, phụ trách hoặc kiêm nhiệm CNTT. Trong đó, số cán bộ chuyên trách/phụ trách, kiêm nhiệm tại cơ quan cấp tỉnh là 43 người, tại UBND cấp huyện là 15 người. Số cán bộ chuyên trách CNTT tại cơ quan chuyên trách về CNTT của tỉnh có 25 người được đào tạo về CNTT, trong đó có 3 Thạc sĩ, 20 Đại học, 01 Cao đẳng và 01 trình độ khác.

Tất cả cán bộ công chức trong các cơ quan nhà nước đều có trình độ tối thiểu cơ bản về ứng dụng CNTT trở lên. Hàng năm, tỉnh đều tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng cho cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách CNTT tại các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã và cử cán bộ, công chức tham gia các khóa đào tạo theo các Chương trình, Đề án của Chính phủ nhằm nâng cao kiến thức về công tác đảm bảo an toàn thông tin.

Vấn đề tồn tại: Hiện tại tỉnh vẫn còn rất thiếu cán bộ lãnh đạo và cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, đặc biệt là các cán bộ có tư duy, tầm nhìn để có thể chuyển đổi công việc truyền thống sang môi trường số; việc thu hút, giữ cán bộ chuyên trách CNTT gặp nhiều khó khăn do chưa có chính sách ưu đãi.

- Về Hạ tầng số

Tỉnh Sóc Trăng đã thực hiện đầu tư hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin đáp ứng tương đối nhu cầu sử dụng. Tất cả công chức, viên chức của tỉnh được trang bị máy tính; 100% các Sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố (UBND cấp huyện), UBND các xã, phường, thị trấn (UBND cấp xã) có mạng nội bộ và kết nối Internet. Hệ thống mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước đã kết nối đến tất cả các Sở, ban ngành tỉnh, UBND cấp huyện. Hạ tầng mạng viễn thông phát triển rộng với hệ thống cáp quang được triển khai rộng khắp hầu hết xã, phường, thị trấn; Tổng số trạm thu phát sóng thông tin di động là 2.939 trạm (Trong đó, trạm phát sóng xây dựng theo chuẩn công nghệ 2G là 997 trạm, tỷ lệ 33,93 %; trạm 3G là 1.124 trạm, tỷ lệ 38,24%; trạm 4G là 818 trạm, tỷ lệ 27,83 %; trạm 5G là 3 trạm, tỷ lệ 1%); tổng số trạm điều khiển thông tin di động là 03 trạm. Hiện nay, mạng viễn thông đã cơ bản cung cấp dịch vụ tới tất cả các khu dân cư, xóm, ấp trên địa bàn tỉnh, tỷ lệ người dân có điện thoại thông minh chiếm 53,8% dân số. Tổng số thuê bao điện thoại cố định và di động khoảng 1.228.000 thuê bao, mật độ 93,18 thuê bao/100 dân. Tổng số thuê bao internet khoảng 132.000 thuê bao, đạt 10,02 thuê bao/100 dân.

Hạ tầng kỹ thuật của Trung tâm tích hợp dữ liệu (THDL) với 45 máy chủ; Hệ thống bảo mật, an ninh bao gồm 09 thiết bị firewall (01 web filter, 01 spam mail, 01 thiết bị tường lửa Layer 7 Center, 02 thiết bị phòng chống tấn công DDOS, 02 thiết bị tường lửa bên trong, 02 thiết bị tường lửa bên ngoài); 03 hệ thống lưu trữ tập trung SAN (dung lượng 24 TB , 64TB và 172TB); 02 hệ thống lưu trữ dự phòng NAS có (dung lượng 128 TB và 256 TB); 02 hệ thống cân bằng tải đường truyền (link balancer), hệ thống giám sát an ninh phòng máy, hệ thống phòng cháy chữa cháy tự động, hệ thống chống sét, hệ thống lưu điện 20 KVA và một số thiết bị khác; Tổng dung lượng kết nối Internet tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu là 750 Mbps (1 leased line 100 Mbps, 1 line FTTH 100 Mbps, 1 line FTTH 150 Mbps và 2 line FTTH 200 Mbps); Cung cấp dịch vụ ảo hóa máy chủ trên nền Điện toán đám mây (Cloud Computing).

Đã đầu tư loa phát thanh từ cấp tỉnh đến cấp xã. 100 % hệ thống các điểm bu rục điện văn hóa xã cung cấp dịch vụ Internet băng thông rộng.

Vấn đề tồn tại: Mạng truyền số liệu chuyên dùng chưa triển khai đến cấp xã; chưa có Trung tâm dữ liệu dự phòng (DR Site); Chưa triển khai chuyển đổi toàn bộ hệ thống ứng dụng của tỉnh sang sử dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6); dịch vụ mạng 5G mới được triển khai một vài điểm, chưa có hệ thống wifi công cộng và chưa phổ cập điện thoại thông minh cho người dân. Hệ thống loa phát thanh đã cũ hết khấu hao, chất lượng kém, chưa đáp ứng được yêu cầu tại Thông tư 39/2020/TT-BTTTT ngày 24/11/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về quản lý Đài Truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông.

- Về Nền tảng số

Sóc Trăng đã hoàn thành xây dựng các mô đun cơ bản của nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung cấp tỉnh (LGSP) và thực hiện tích hợp tính năng đăng nhập một lần (SSO) cho các hệ thống thông tin tỉnh đã triển khai. Nền tảng LGSP đã sẵn sàng cung cấp các giao diện lập trình (API) để kết nối, liên thông dữ liệu với nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung Quốc gia (NGSP) để trao đổi thông tin thông suốt với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các tỉnh, thành phố, các Bộ, ngành, Trung ương. Hoàn thành việc kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu, dịch vụ trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh với Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

Vấn đề tồn tại: Các hệ thống thông tin dùng chung trong cơ quan nhà nước đều được triển khai trên nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP) để phục

vụ hoạt động cho các cơ quan thông suốt từ trung ương đến địa phương. Tỉnh vẫn chưa triển khai được các nền tảng số để phục vụ nhu cầu sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp.

- Về thông tin và dữ liệu số

Tỉnh đã triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu (CSDL) tổng hợp các số liệu báo cáo cấp tỉnh về tình hình, kết quả hoạt động của các cơ quan nhà nước. Hệ thống CSDL theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh. Ngành Giáo dục và Đào tạo đã triển khai CSDL ngành, sổ liên lạc điện tử, trang bị các phần mềm hỗ trợ dạy và học cho toàn bộ giáo viên, học sinh. Ngành Y tế đã ứng dụng phần mềm quản lý khám chữa bệnh tại các Trung tâm y tế, Trạm y tế. Ngành Tài chính đã triển khai hệ thống TABMIS phục vụ quản lý công tác tài chính kế toán đến cấp xã; phần mềm quản lý ngân sách các cấp; cấp mã số đối tượng sử dụng ngân sách Nhà nước, Quản lý ngân sách dự án đầu tư (PMIS). Ngành Giao thông - Vận tải đã triển khai đồng bộ việc cấp đổi giấy phép lái xe bằng vật liệu PET, ứng dụng dịch vụ công mức độ 4 về cấp đổi giấy phép lái xe, giảm thiểu thời gian đi lại và giảm chi phí cho người dân. Ngành Tài nguyên - Môi trường đã đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong xây dựng và triển khai hệ thống Công khai thông tin về tài nguyên và môi trường, xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai (ứng dụng phần mềm chuyên ngành quản lý đất đai ViLIS), đang xây dựng và triển khai Phần mềm Quản lý cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường với các mô đun về môi trường, tài nguyên nước, Quản lý cơ sở dữ liệu cam kết bảo vệ môi trường, số liệu quan trắc tài nguyên và môi trường (định kỳ, tự động liên tục), hồ sơ thanh tra tài nguyên và môi trường, quản lý đất công,... Ngoài ra, đang triển khai hệ thống liên thông với ngành Thuế để xác 6 định nghĩa vụ tài chính trong thủ tục đăng ký đất đai khi người sử dụng đất thực hiện thủ tục hành chính về đăng ký đất đai. Ngành Tư pháp đã ứng dụng CNTT trong xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và chương trình quản lý hộ tịch, Quản lý ngăn chặn và hợp đồng giao dịch đã công chứng. Ngành Nội vụ đã triển khai Phần mềm tự đánh giá Chỉ số CCHC – ParIndex, Thống kê điều tra xã hội học – SIPAS, Phần mềm Quản lý cán bộ, công chức, viên chức tỉnh. Ngành Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng Phần mềm quản lý cán bộ, công chức tỉnh, hệ thống Cơ sở dữ liệu và thông tin hỗ trợ doanh nghiệp và phần mềm đăng ký hộ kinh doanh liên thông thuế.

Vấn đề tồn tại: Do hạn chế về kinh phí, phần lớn các CSDL của các ngành được triển khai chắp vá trong thời gian dài, nên còn rời rạc, thiếu tính đồng bộ, liên thông chưa đầy đủ. Các dữ liệu hầu hết được lưu trữ, quản lý tại các Bộ, ngành ở trung ương chưa được lưu trữ tại tỉnh. Tỉnh cũng chưa xây dựng được kho dữ liệu dùng chung nên chưa tổ chức, chuẩn hóa lại dữ liệu. Vì vậy các dữ liệu này phản ánh chưa đầy đủ, toàn diện về kết quả hoạt động của ngành, lĩnh vực, giá trị dữ liệu còn thấp.

- Về ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước

Tỉnh đã đầu tư xây dựng Trung tâm Giám sát điều hành tỉnh (Trung tâm IOC) phục vụ cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy, UBND tỉnh. Trung tâm IOC thực hiện thu thập, xử lý dữ liệu, hiển thị trực quan các hệ thống thông tin thuộc 10 lĩnh vực: Hệ thống điều hành lĩnh vực Y tế; Hệ thống điều hành lĩnh vực giáo dục; Hệ thống giám sát hành chính công; Hệ thống giám sát Cổng thông tin điện tử; Hệ thống Quản lý văn bản điện tử; Hệ thống thông tin Tài nguyên và Môi trường; Hệ thống du lịch; Hệ thống điều hành chỉ tiêu kinh tế xã hội; Hệ thống phản ánh kiến nghị; Camera giám sát.

Hệ thống Cổng thông tin điện tử (TTĐT) của tỉnh gồm 01 Cổng chính và 31 Cổng thành phần (trong đó có 20 Cổng TTĐT của các Sở, ban, ngành tỉnh; 11 Cổng TTĐT các huyện, thị xã, thành phố) được quản lý, vận hành trên hạ tầng Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh. Hệ thống Cổng TTĐT của tỉnh đã phát huy hiệu quả, cung cấp đầy đủ các thông tin chỉ đạo, điều hành, hoạt động của Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh về các lĩnh vực kinh tế - xã hội của tỉnh, cung cấp nhiều chuyên mục thông tin trên tất cả các lĩnh vực, phục vụ nhu cầu khai thác thông tin, tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị của địa phương, thu hút đầu tư, giới thiệu, quảng bá hình ảnh đất và người tỉnh Sóc Trăng.

Đến nay, 100% cơ quan hành chính nhà nước từ cấp tỉnh đến xã triển khai Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh, phục vụ công tác tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông cho tổ chức, công dân. Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh hiện nay cập nhật đầy đủ các TTHC của tỉnh; công khai toàn bộ quy trình giải quyết TTHC, kết quả giải quyết TTHC. Tổng số TTHC: (1.825 thủ tục) của tỉnh đã được cung cấp lên Cổng DVC tối thiểu ở mức độ 2, trong đó có 306 TTHC được cung cấp ở mức độ 3 đạt tỷ lệ 16,76% và 1.059 TTHC được cung cấp ở mức độ 4 đạt tỷ lệ 58,02% so với tổng số TTHC được cung cấp lên

Công DVC của tỉnh. Trong năm 2021, tổng số hồ sơ được tiếp nhận và cập nhật vào hệ thống là 439.851 hồ sơ; giải quyết đúng và trước hạn đạt 99,71%; tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận và xử lý trực tuyến mức độ 3, 4 đạt 8.64% (18.650/215.823).

Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành đã triển khai đồng bộ trong các CQNN trên địa bàn tỉnh đã giúp nâng cao hiệu quả việc gửi, nhận văn bản điện tử từ cấp tỉnh đến cấp xã. Hiện nay, đã thực hiện kết nối, liên thông phần mềm quản lý văn bản tất cả các Sở, ban ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, đã kết nối liên thông theo mô hình 4 cấp (từ cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh đến Trung ương) và kết nối vào trực liên thông văn bản Quốc gia, gửi nhận văn bản điện tử 4 cấp (từ Trung ương đến cấp xã). Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành đảm bảo việc tích hợp chữ ký số để triển khai thực hiện gửi, nhận trên môi trường mạng. Trong năm 2021, tỷ lệ văn bản điện tử được ký số và trao đổi giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh là 90.27% (226.951/251.411).

Việc triển khai chữ ký số trong hoạt động trao đổi thông tin giữa các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh đã đem lại những kết quả tích cực góp phần hiện đại hóa nền hành chính công. Tính đến hiện tại, toàn tỉnh đã cấp 3.745 chứng thư số gồm thiết bị token và sim PKI (Trong đó, 2.866 thiết bị token cho cá nhân; 565 thiết bị token cho tổ chức và 314 sim PKI).

Hệ thống Thư điện tử: đã được nâng cấp và đưa vào vận hành, sử dụng với hơn 7.000 hộp thư của cán bộ, công chức, viên chức trong các CQNN, thúc đẩy việc sử dụng thư điện tử trong trao đổi công việc theo quy định tại Chỉ thị số 34/2008/CT-TTg ngày 03/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ.

Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh đã triển khai tại 129 điểm trong đó 04 điểm cầu chính cấp tỉnh (Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh và Hội trường các Ban đảng Tỉnh ủy), 2 điểm cầu mở rộng cấp tỉnh (Hội trường lớn và Hội trường số 9 Trung tâm Văn hóa hội nghị tỉnh), 11 điểm cầu cấp huyện, 109 điểm cầu cấp xã và 03 điểm cầu Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự và Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh.

Vấn đề tồn tại: Hiệu quả hoạt động của Trung tâm Giám sát điều hành tỉnh chưa cao do còn thiếu nhiều dữ liệu chuyên ngành; dữ liệu đầu vào còn chưa được rà soát, chuẩn hoá nên có độ chính xác chưa cao. Hệ thống Cổng dịch vụ công có số lượng hồ sơ phát sinh trực tuyến còn thấp, tỷ lệ thanh toán trực tuyến chưa cao. Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành chưa được nâng cấp; tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử vẫn chưa đạt kết quả như kỳ vọng, đặc biệt là đối với cấp xã. Vấn đề

cung cấp thông tin cho người dân và doanh nghiệp trên hệ thống Cổng thông tin điện tử vẫn chưa đầy đủ, kịp thời, còn nhiều hạn chế.

- Về an toàn, an ninh mạng

Tỉnh đã trang bị thiết bị tường lửa cho 20 sở ban, ngành, 11 UBND cấp huyện, nhằm nâng cao năng lực, chất lượng mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh. Triển khai kết nối thành công phân hệ giám sát an toàn thông tin mạng tỉnh với Trung tâm giám sát không gian mạng quốc gia (NCSC), theo đó đã giám sát an toàn thông tin và kịp thời đưa ra các cảnh báo, biện pháp khắc phục các lỗ hổng mất an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh. Tỉnh đã phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin cho Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Sóc Trăng tại Quyết định số 3601/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng, với các hệ thống thông tin thành phần:

- + Cổng thông tin điện tử, các Cổng thông tin điện tử thành phần;
- + Hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành;
- + Hệ thống thư điện tử công vụ;
- + Hệ thống Một cửa điện tử;
- + Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến;
- + Hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh.

Đã triển khai hoàn thành các lớp bảo đảm an toàn, an ninh mạng theo mô hình 4 lớp theo các yêu cầu tại Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam. Triển khai giải pháp phòng chống, mã độc quản trị tập trung, chia sẻ thông tin, dữ liệu mã độc Viettel EDR cho 24 máy chủ vận hành các hệ thống thông tin và hơn 2.500 máy trạm trong các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh và thực hiện chia sẻ thông tin, kết nối vào Hệ thống giám sát từ xa của Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng quốc gia thuộc Cục An toàn thông tin - Bộ Thông tin và Truyền thông nhằm hỗ trợ phát hiện các nguy cơ, rủi ro, điểm yếu của các hệ thống thông tin của tỉnh đáp ứng theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ. Thành lập Đội ứng cứu khẩn cấp sự cố an toàn thông tin mạng tỉnh Sóc Trăng tại Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 28/4/2020 của UBND tỉnh Sóc Trăng nhằm ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng và đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin của tỉnh.

Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh thường xuyên được kiểm tra, khắc phục các lỗ hổng bảo mật theo hướng dẫn, cảnh báo của VNCert và Cục an toàn thông tin - Bộ Thông tin và Truyền thông; 100% máy chủ, máy trạm, thiết bị đầu cuối liên quan (core switch, firewall, anti spammail, thiết bị IDS/IPS, Hệ thống lưu trữ - SAN...) tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh và các hệ thống thông tin dùng chung của các cơ quan nhà nước đảm bảo hoạt động ổn định, an toàn; chủ động ngăn ngừa các cuộc tấn công từ bên ngoài, đến nay chưa xảy ra sự cố nào về an toàn an ninh thông tin.

Trong giai đoạn 2016 – 2020, tỉnh đã triển khai 95 lớp đào tạo, tập huấn ngắn hạn về kiến thức, kỹ năng an toàn thông tin cho hơn 1.971 lượt cán bộ chuyên trách/phụ trách công nghệ thông tin tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh góp phần nâng cao ý thức, kỹ năng đảm bảo an toàn thông tin cho đội ngũ cán bộ, công chức ứng dụng CNTT vào xử lý công việc trên môi trường mạng.

Vấn đề tồn tại: chi phí đầu tư, trang bị cho việc bảo đảm an toàn thông tin còn hạn chế, chưa có các giải pháp tổng thể, sao lưu dự phòng dữ liệu quan trọng; tình hình an toàn, an ninh mạng tuy có kiểm soát những vẫn tiềm ẩn rất nhiều rủi ro; chưa có trung tâm điều hành an ninh mạng (SOC); chưa có Trung tâm dữ liệu dự phòng (DR Site) để đảm bảo an toàn thông tin sau thảm họa.

III. SỰ CẦN THIẾT CHUYỂN ĐỔI SỐ

Từ các bối cảnh trên cho thấy:

- Chuyển đổi số là xu thế tất yếu khách quan trong thời đại ngày nay, đó là cơ hội cho các nước, các doanh nghiệp vượt lên trong cuộc CMCN 4.0, nhưng cũng là nguy cơ tụt hậu, bị bỏ lại ngày càng xa đối với ai không quan tâm đến nó. Chuyển đổi số không đơn giản là mức ứng dụng và phát triển cao hơn của công nghệ thông tin, mà phải được hiểu là nút đột phá, một “cơ hội chưa từng có” trong phát triển kinh tế xã hội. Khi đó, dữ liệu và công nghệ số làm chuyển đổi, cải biến toàn diện mô hình, quy trình, sản phẩm/kết quả đầu ra của quá trình sản xuất, kinh doanh trong xã hội (CQNN cũng được coi là tổ chức cung cấp sản phẩm, sản phẩm là dịch vụ công).

- Tại Việt Nam, ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin cũng đã được quan tâm, đã trải đều trên các lĩnh vực cần chuyển đổi. Tuy nhiên, đa phần các ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin ở đây chưa thực sự là chuyển đổi số,

tức là chưa tạo được chuyển đổi đột phá về mô hình, quy trình sản xuất, sản phẩm dựa trên dữ liệu và công nghệ số.

- Chuyển đổi số tại tỉnh Sóc Trăng trong thời gian tới là tất yếu, nếu chúng ta muốn có những bứt phá trong phát triển KTXH, không bị bỏ lại trong cuộc CMCN 4.0. Chúng ta càng khó khăn, lạc hậu càng phải đẩy mạnh chuyển đổi số để hiện thực hóa xã hội phát triển, sánh ngang bằng với các địa phương phát triển trong nước. Để chuyển đổi số thành công, cần phải có sự đầu tư nguồn lực, nhất là nguồn nhân lực, quyết tâm thực hiện của tất cả các thành phần trong xã hội, đặc biệt phải khắc phục ngay được những hạn chế hiện nay.

- Chuyển đổi số trên quy mô toàn tỉnh là công việc của nhiều cấp, nhiều ngành, và của toàn xã hội, nên cần có một Đề án chung để bảo đảm việc triển khai đồng bộ, có sự phối hợp, kết nối, chia sẻ rộng khắp, hiệu quả. Chính vì vậy, Đề án Chuyển đổi số tỉnh Sóc Trăng được xây dựng nhằm xác định tầm nhìn, mục tiêu và những định hướng nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu để các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong xã hội xác định và triển khai kế hoạch chuyển đổi số cụ thể của mình.

IV. CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;

Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025;

Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ ban hành về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022;

Luật hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12/6/2017;

Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018-2025 và định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 708/QĐ-TTg ngày 25/05/2017 của Thủ tướng chính phủ Phê duyệt Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội, ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết chính sách an sinh xã hội đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030;

Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 14/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam;

Quyết định số 1968/QĐ-TTg ngày 22/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2021-2030;

Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Quyết định số 2289/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030.

Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030;

Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/03/2021 v/v Phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 – 2025;

Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Quyết định số 27/QĐ-UBQGCS ngày 15/03/2022 của Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số về việc Ban hành Kế hoạch hành động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2022;

Công văn số 2390/BTTTT-THH ngày 29/06/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc triển khai Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến 2030;

Quyết định số 1726/QĐ-BTTTT ngày 12/10/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Đề án xác định bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của quốc gia.

Quyết định số 38/QĐ-BTTTT ngày 14/01/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt “Chương trình thúc đẩy, hỗ trợ chuyển đổi Ipv6 cho cơ quan nhà nước giai đoạn 2021-2025”;

Quyết định số 377/QĐ-BTTTT ngày 26/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa Chuyển đổi số;

Quyết định số 1970/QĐ-BTTTT ngày 13/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Phê duyệt Đề án xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số;

Quyết định số 186/QĐ-BTTTT ngày 11/02/2022 phê duyệt Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số;

Quyết định số 359/QĐ-BTTTT ngày 25/02/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Quyết định số 381/QĐ-BTTTT ngày 28/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Kế hoạch của Bộ Thông tin và Truyền thông thúc đẩy phát triển và sử dụng nền tảng số quốc gia về quản trị và kinh doanh du lịch;

Quyết định số 392/QĐ-BTTTT ngày 02/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số;

Quyết định 5316/QĐ-BYT ngày 22/12/2020 của Bộ Y tế Phê duyệt Chương trình chuyển đổi số Y tế đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định 4632/QĐ-BNN-KHCN ngày 16/11/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, phát

triển chính phủ số và đảm bảo an toàn thông tin mạng của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giai đoạn 2021-2025;

Quyết định số 417/QĐ-BTNMT ngày 10/03/2021 của Bộ Tài nguyên và môi trường Phê duyệt Chương trình chuyển đổi số tài nguyên và môi trường đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Nghị quyết số 33-NQ/BCSD ngày 27/01/2022 của Ban Cán sự Đảng Bộ Công Thương về Chương trình chuyển đổi số của Bộ Công Thương giai đoạn 2022- 2025;

Quyết định số 12/QĐ-BKHĐT ngày 07/01/2021 về việc phê duyệt Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025;

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 27/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV về chuyển đổi số tỉnh Sóc Trăng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 29/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV về đẩy mạnh cải cách hành chính tỉnh Sóc Trăng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Chỉ thị số 16-CT/TU ngày 02/5/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4;

Chương trình số 02-Ctr/TU ngày 16/11/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị khóa XII về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Kế hoạch số 136/KH-UBND ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh về việc tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, tỉnh Sóc Trăng, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Kế hoạch số 179/KH-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh Sóc Trăng về phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021 – 2025 và định hướng đến năm 2030;

Kế hoạch số 186/KH-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

PHẦN II

NỘI DUNG ĐỀ ÁN

I. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

- Chuyển đổi số là bước đi tất yếu nhằm thay đổi căn bản, toàn diện hoạt động cả hệ thống chính trị; hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và phương thức, lối sống, làm việc của nhân dân; là động lực để xây dựng Chính quyền số, phát triển kinh tế số và xây dựng xã hội số trong môi trường số an toàn, văn minh, rộng khắp và bao trùm; đặt người dân là trung tâm, thể chế và công nghệ là động lực, an toàn thông tin mạng là then chốt và xuyên suốt.

- Chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt và đồng bộ trong hoạt động của cả hệ thống chính trị, đặc biệt là người đứng đầu tổ chức; sự đồng hành của doanh nghiệp và nhân dân nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động và thực thi công vụ trong cơ quan đảng và cơ quan nhà nước.

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để thúc đẩy chuyển đổi số; tận dụng tối đa nguồn lực đầu tư của Trung ương, của địa phương và toàn xã hội; trong đó, nội lực là chiến lược, cơ bản quyết định; ngoại lực là quan trọng, đột phá với những bước đi vững chắc, an toàn, chủ động, tích cực và có trọng điểm, trọng tâm trên cơ sở kế thừa những thành tựu đạt được đi đôi với đổi mới, sáng tạo.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Đến năm 2025, ứng dụng công nghệ số, dữ liệu số để điều chỉnh phương thức hoạt động, cấu trúc lại quy trình, đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động lãnh đạo, quản trị, điều hành của cả hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh; phát triển mạnh công nghệ số tạo nền tảng thúc đẩy phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng và các lĩnh vực mới; phát triển môi trường số an toàn, nhân văn, rộng khắp để hình thành công dân số, xã hội số.

- Phấn đấu đến năm 2030, Sóc Trăng cơ bản hoàn thành chuyển đổi số đồng bộ trên phạm vi toàn tỉnh, góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững; hoàn thành xây dựng đô thị thông minh kết nối đồng bộ với các mạng lưới đô thị thông minh khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

2. Mục tiêu cơ bản đến năm 2025

- 90% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) đối với cấp tỉnh; 80% đối với cấp huyện; 60% đối với cấp xã.

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của cấp uỷ đảng, chính quyền các cấp được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh và của Chính phủ.

- 100% cơ sở dữ liệu dùng chung được kết nối, chia sẻ trên toàn tỉnh; đồng thời, được thu thập, tích hợp vào kho dữ liệu dùng chung của tỉnh.

- 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và các hệ thống thông tin của cơ quan.

- Phân đầu kinh tế số chiếm 20% GRDP; tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%. Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 7%.

- Hạ tầng cáp quang đến hộ gia đình đạt 80%; 100% dịch vụ mạng di động 4G/5G được cung cấp trên toàn tỉnh. Tối thiểu 50% người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản thanh toán điện tử.

3. Mục tiêu dự kiến đến năm 2030

- 100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) đối với cấp tỉnh; 90% đối với cấp huyện; 70% đối với cấp xã.

- Hoàn thành việc xây dựng tất cả các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, các địa phương đưa vào kho dữ liệu dùng chung của tỉnh.

- 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và các hệ thống thông tin của cơ quan.

- Phân đầu kinh tế số chiếm tỷ trọng 30% trong GRDP.

- Hạ tầng cáp quang đến hộ gia đình đạt 100%; 80% người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản thanh toán điện tử.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ, giải pháp tạo nền tảng Chuyển đổi số

1.1. Tăng cường tuyên truyền, đổi mới tư duy, nhận thức của từng cán bộ, đảng viên, hộ gia đình và doanh nghiệp về chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ số trong đời sống, sản xuất, thương mại và thực thi công vụ

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền và người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp về vai trò và tính cấp thiết của chuyển đổi số; tập trung chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số; ban hành và triển khai kế hoạch gắn với chương trình, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trong ngành, lĩnh vực, địa phương. Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên và nhân dân về các chủ trương, chính sách về chuyển đổi số.

- Người đứng đầu chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị, lĩnh vực, địa bàn mình phụ trách. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cam kết đổi mới, cho phép thử nghiệm cái mới, ứng dụng công nghệ mới vì mục tiêu phát triển bền vững, liên kết các thành phần khác nhau theo mô hình kinh tế tuần hoàn; thúc đẩy phát triển công nghiệp sáng tạo trong ngành, lĩnh vực, địa phương mình phụ trách.

- Các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận, tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, công chức, viên chức, trong tham gia đẩy mạnh tuyên truyền, vận động thay đổi nhận thức của cán bộ, đoàn viên, hội viên và Nhân dân về chuyển đổi số, nhất là vai trò xung kích, tình nguyện đi đầu của lực lượng thanh niên trong triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số; Phát huy vai trò liên kết chuyển đổi số giữa các cơ quan nhà nước và các tổ chức, doanh nghiệp; giữa các hội, hiệp hội ngành nghề CNTT với các hội, hiệp hội chuyên ngành trong các lĩnh vực khác để tạo hiệu ứng lan tỏa ra xã hội

- Phát huy vai trò tiên phong trong chuyển đổi số của Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh. Thanh niên phải là lực lượng xung kích đi đầu thực hiện chủ trương đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số và đổi mới sáng tạo; phải là những người đầu tiên, tích cực nhất giúp chuyển đổi số đi vào đời sống ở địa phương, thực hiện hóa mục tiêu chiến lược của tỉnh.

- Tổ chức các chuyên đề tập huấn kiến thức cơ bản về chuyển đổi số và nâng cao kiến thức, nghiệp vụ quản lý nhà nước trên nền tảng chuyển đổi số cho các cấp lãnh đạo từ cấp tỉnh đến cấp xã.

- Tổ chức các khóa đào tạo, giới thiệu kiến thức cơ bản về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; các khóa chuyên sâu và nâng cao về kiến thức chuyển đổi số, phương thức tạo lập, hình thành các hệ thống thông tin trong chuyển đổi số.

- Hàng năm tổ chức sự kiện “Ngày chuyển đổi số” tại địa phương kết hợp công bố và quảng bá các sản phẩm địa phương. Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm về chuyển đổi số, công nghệ số tại tỉnh nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, mô hình, giải pháp đã triển khai thành công.

- Xây dựng các chuyên mục thông tin, tuyên truyền về kế hoạch chuyển đổi số trên báo chí và phương tiện truyền thông của tỉnh. Đài PTTH tỉnh: định kỳ có 01 chuyên mục về chuyển đổi số/ 1 tuần. Hệ thống thông tin cơ sở: định kỳ ít nhất tuyên truyền về chuyển đổi số 01 lần/tuần;

- Lựa chọn một đơn vị cấp huyện của tỉnh để triển khai thử nghiệm các ứng dụng, dịch vụ chuyển đổi số, từ đó phát triển nhân rộng trong địa bàn tỉnh.

- Tổ chức các chương trình phổ biến kiến thức về sử dụng các công nghệ số, các loại mô hình kinh tế số đổi mới sáng tạo, chia sẻ kinh nghiệm của những doanh nghiệp trong từng lĩnh vực đang thành công nhờ các mô hình kinh doanh trên nền tảng số.

- Hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ số hàng đầu Việt Nam tuyên truyền lợi ích chuyển đổi số như nâng cao năng suất lao động, tối ưu mô hình vận hành sản xuất – kinh doanh cho doanh nghiệp thông qua các hiệp hội, các hội nghị chuyên đề về chuyển đổi số doanh nghiệp và chuyển đổi số lĩnh vực kinh tế nghiệp, ... ngành.

- Lựa chọn và tuyên truyền các bài học chuyển đổi số doanh nghiệp điển hình trong tỉnh nhằm tạo động lực, nhận thức chuyển đổi số gắn liền với kết quả thực tiễn triển khai.

1.2. Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy quá trình chuyển đổi số của tỉnh; đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực phục vụ quá trình chuyển đổi số.

- rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung, xây dựng các kiến trúc, quy chế, quy định về xây dựng, phát triển, quản lý, vận hành, khai thác các nền tảng, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ chính quyền số phù hợp với định hướng Chiến lược quốc gia.

- Duy trì, cập nhật và triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Sóc Trăng luôn phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

- Xây dựng và ban hành Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh.

- Xây dựng và ban hành các quy định về quản trị, giám sát và vận hành hệ thống thông tin phục vụ Chính quyền số.

- Ban hành quy định ưu tiên cho doanh nghiệp địa phương để đồng hành cùng chính quyền trong công cuộc chuyển đổi số, huy động nguồn lực doanh nghiệp đồng thời góp phần thúc đẩy phát triển chất lượng doanh nghiệp công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh.

- Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông phục vụ triển khai, phát triển Chính quyền số, thành phố thông minh.

- Xây dựng và ban hành kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025; Xây dựng chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; trong đó có hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số ngay từ khởi sự kinh doanh.

- Nghiên cứu, xây dựng trình Hội đồng nhân dân tỉnh về Nghị quyết quy định về một số chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ, phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết về chính sách thu hút, hỗ trợ cán bộ làm công tác công nghệ thông tin của tỉnh.

- Đẩy mạnh hợp tác trong và ngoài nước về đào tạo, bồi dưỡng nhằm làm chủ công nghệ số, phần mềm nguồn mở, công nghệ mở, chuẩn mở,... nhằm nâng cao năng lực, trình độ cho nguồn nhân lực chuyên trách CNTT trong các CQNN trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai công nghệ thông tin đào tạo, tập huấn theo mô hình Elearning có tích hợp Livestreaming phục vụ cho công tác đào tạo tập huấn nâng cao năng lực cán bộ, công chức, viên chức trong tỉnh.

- Xây dựng và ban hành các quy định, cơ chế khuyến khích người dân, doanh nghiệp trong sử dụng các nền tảng phục vụ kinh tế số như tài chính số, thương mại điện tử, phát triển kinh tế chia sẻ và chuyển đổi số theo từng lĩnh vực ngành nghề trọng điểm của tỉnh.

1.3. Phát triển hạ tầng, nền tảng số và phát triển dữ liệu số

- Xây dựng các quy định về số hóa dữ liệu, trong đó chú trọng đến quy định, tiêu chuẩn danh mục các dữ liệu cơ quan nhà nước phải số hóa theo lộ trình. Chuẩn hóa nghiệp vụ trên nền tảng công nghệ để khai thác, vận hành có hiệu quả các dữ liệu được số hóa.

- Xây dựng và ban hành các quy chế, quy định về việc thu thập, quản lý, lưu trữ, chia sẻ, khai thác và sử dụng Dữ liệu trên môi trường số trong các cơ quan nhà nước của Tỉnh (dữ liệu và dữ liệu mở); Quy định về định danh và xác thực điện tử cho cá nhân, tổ chức.

- Triển khai mạng truyền số liệu chuyên dùng cho tất cả các cơ quan QLNN từ cấp tỉnh đến cấp xã.

- Kết nối hệ thống mạng giữa khối Đảng với khối Chính quyền và đưa vào sử dụng để trao đổi, liên thông một số nội dung cần thiết nhằm phát huy hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành.

- Xây dựng, phát triển hạ tầng mạng truyền dẫn băng rộng chất lượng cao trên địa bàn tỉnh; ưu tiên triển khai tại các khu, cụm công nghiệp, khu vực đông dân cư, trung tâm các huyện, thành phố, khu du lịch, bệnh viện, trường học.

- Đẩy mạnh phát triển hạ tầng mạng di động 4G, 5G trên diện rộng.

- Triển khai hệ thống Wifi công cộng thông minh trên địa bàn tỉnh nhằm phục vụ nhu cầu truy cập thông tin qua Internet thuận lợi cho nhà đầu tư, khách du lịch và nhân dân trong tỉnh khai thác các tiện ích được cung cấp bởi các dịch vụ đô thị thông minh, Chính quyền số.

- Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT); xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị, môi trường,... để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số.

- Nâng cấp, mở rộng Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh và triển khai thêm 01 Trung tâm dữ liệu dự phòng (đạt chuẩn tối thiểu TIER III) để đảm bảo năng lực lưu trữ tính toán cao, đảm bảo khả năng dự phòng, độ tin cậy, đáp ứng nhu cầu triển khai các ứng dụng dùng chung, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.

- Duy trì hoạt động, nâng cấp, mở rộng năng lực của Trung tâm Giám sát điều hành tỉnh Sóc Trăng.

- Xây dựng Quy hoạch mạng lưới hệ thống camera giám sát (CCTV) trên địa bàn tỉnh; ưu tiên đầu tư camera tại các khu vực trọng điểm; triển khai kết nối, chia sẻ, quản lý đồng bộ dữ liệu camera trên địa bàn.

- Duy trì hoạt động của Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh đến cấp xã đảm bảo chất lượng cao để tổ chức các cuộc họp trực tuyến trên toàn tỉnh, phục vụ các huyện, thị xã, thành phố tổ chức các cuộc họp trực tuyến với các xã, phường, thị trấn.

- Xây dựng các nền tảng số đáp ứng nhu cầu tự học, tự nghiên cứu của cộng đồng để thích ứng với quá trình chuyển đổi số của tỉnh.

- Tổ chức số hóa dữ liệu quản lý chuyên ngành tại các cơ quan hành chính nhà nước. Chuẩn hóa hồ sơ điện tử từ hệ thống quản lý văn bản, dịch vụ công và các hệ thống thông tin phục vụ phát triển chính quyền điện tử.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu bản đồ số nền (GIS), Kho dữ liệu dùng chung, Cổng dữ liệu mở trên cơ sở vừa cung cấp dữ liệu phục vụ công tác điều hành, quản lý, dự báo, cũng như khai thác trực tiếp để xây dựng các ứng dụng, dịch vụ mới.

- Xây dựng/phát triển cơ sở dữ liệu/nền tảng thuộc các lĩnh vực cần ưu tiên chuyển đổi số (Y tế, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Ngân hàng, Nông nghiệp, Giao thông vận tải, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Xây dựng) phải bảo đảm kết nối, chia sẻ, liên thông với các cơ sở dữ liệu/nền tảng của bộ, ngành, trung ương để quản lý hiệu quả, tránh lãng phí.

- Thực hiện tái cấu trúc các dữ liệu từ các hệ thống thông tin đang vận hành khai thác của tỉnh, đảm bảo cung cấp, chia sẻ với kho dữ liệu dùng chung của tỉnh.

- Xây dựng nền tảng đô thị thông minh của tỉnh Sóc Trăng phục vụ triển khai các dịch vụ và ứng dụng thông minh.

- Xây dựng nền tảng số: Nền tảng trí tuệ nhân tạo, Nền tảng kết nối dịch vụ số hóa, Nền tảng chuỗi khối (blockchain), Nền tảng định danh điện tử (eID),...

1.4. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng

- Xây dựng quy định về đảm bảo an toàn thông tin, đảm bảo an ninh mạng trên phạm vi toàn tỉnh trên nền tảng chung chính sách của quốc gia.

- Xây dựng các chính sách và quy định về vai trò và quyền khi truy cập dữ liệu ở các mức độ khác nhau; các quy định về tính riêng tư và cần bảo vệ đối với các thông tin liên quan đến cá nhân để mã hoá và lưu trữ, bảo mật khi cần chia sẻ với các bên liên quan khác; các quy định về thẩm quyền khai thác, sử dụng dữ

liệu trên Kho dữ liệu dùng chung, dữ liệu ở các cấp độ phụ thuộc vào chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- Nghiên cứu xây dựng các quy định đối với một số lĩnh vực cần có sự đánh giá về mức độ an ninh, an toàn thông tin từ đơn vị thứ ba theo định kỳ hàng năm.

- Xây dựng Trung tâm điều hành an ninh mạng (SOC) của tỉnh; kết nối với Trung tâm giám sát an toàn thông tin quốc gia; xác thực ATTT cho các thiết bị kết nối mạng; bảo đảm an toàn an ninh thông tin cho các hạ tầng mới trong chuyển đổi số như hạ tầng IoT;...

- Xây dựng mạng lưới đảm bảo an toàn thông tin mạng trên cơ sở nâng cao chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ chuyên trách an toàn thông tin kết hợp với nhân sự phụ trách công nghệ thông tin các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức.

- Triển khai các chương trình nâng cao nhận thức về an ninh, an toàn thông tin và tính riêng tư đến các cán bộ nhân viên trong cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp chuyển đổi số,... cần được thực hiện định kỳ hàng năm với nội dung cập nhật.

- Duy trì tổ chức Diễn tập ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng cấp tỉnh hàng năm; Đảm bảo mạng lưới an toàn thông tin của tỉnh hoạt động hiệu quả, kết nối, chia sẻ dữ liệu thường xuyên với mạng lưới Quốc gia.

- Đảm bảo chi tối thiểu 10% ngân sách CNTT cho an toàn, an ninh mạng, thuê doanh nghiệp chuyên trách về an toàn thông tin để bảo vệ hệ thống CNTT của tỉnh, thực hiện bảo vệ 4 lớp theo Chỉ thị 14/CT- TTg ngày 25/05/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tổ chức đánh giá, xếp loại mức độ an toàn các hệ thống thông tin của tỉnh; thực thi nghiêm các quy định về đảm bảo an toàn thông tin theo theo cấp độ được quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.

2. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển Chính quyền số và Đô thị thông minh

2.1. Phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động Công dịch vụ công của tỉnh trong giải quyết các hồ sơ, thủ tục hành chính (TTHC) theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính, gắn với số hóa và sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, giấy tờ. Không bắt buộc người dân cung cấp lại các thông tin mà cơ quan nhà nước đã có hoặc người dân đã từng cung cấp.

- Xây dựng kênh tương tác trực tuyến giữa người dân, doanh nghiệp với các cơ quan nhà nước và chính quyền các cấp.

- Số hóa hệ thống phát thanh, truyền hình tỉnh. Đầu tư ứng dụng hệ thống truyền thanh thông minh tới cấp xã, tích hợp với Trung tâm Giám sát điều hành tỉnh.

- Triển khai các nền tảng số phục vụ nhu cầu về giáo dục, y tế và các nhu cầu thiết thực khác để nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

2.2. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước, tổ chức Đảng, đoàn thể.

- Nâng cấp các ứng dụng, các cơ sở dữ liệu, Hệ thống thông tin của chính quyền điện tử để chia sẻ dữ liệu vào Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh, hình thành cơ sở dữ liệu lớn để triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo, máy học, phân tích dữ liệu phục vụ công tác dự báo, hỗ trợ ra quyết định trong chỉ đạo, điều hành của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cấp, hoàn thiện Trung tâm Giám sát điều hành tỉnh.

- Duy trì hoạt động Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh.

- Xây dựng và nhân rộng mô hình "Phòng họp không giấy tờ".

- Triển khai nền tảng trợ lý ảo hỗ trợ xử lý công việc.

- Triển khai các nền tảng số phục vụ hoạt động cho các cơ quan Đảng, Mặt trận, tổ chức chính trị xã hội.

3. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển Kinh tế số

3.1 Phát triển doanh nghiệp công nghệ số; hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số và hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo

- Tổ chức các chương trình phổ biến kiến thức về các công nghệ số, các mô hình kinh tế số đổi mới sáng tạo, chia sẻ kinh nghiệm của những doanh nghiệp trong từng lĩnh vực đang thành công nhờ chuyển đổi số.

- Xây dựng và triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa Chuyển đổi số theo Quyết định số 377/QĐ-BTTTT ngày 26/3/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Tổ chức đào tạo, phổ cập kỹ năng số cho người dân, doanh nghiệp; phát triển mạng lưới chuyên gia tư vấn chuyển đổi số, kinh tế số về phân tích kinh

doanh cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa để nâng cao kiến thức, kỹ năng phân tích dữ liệu và tính toán phù hợp với năng lực doanh nghiệp trong quản lý sản xuất, quản lý quan hệ khách hàng, quản lý tài chính, tiêu thụ sản phẩm... Thông qua quá trình sản xuất thông minh này doanh nghiệp có thể đánh giá lại phương pháp sản xuất kinh doanh, đánh giá lại chuỗi giá trị, mô hình kết nối với khách hàng để cải tiến, chuyển đổi và từng bước thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp, nâng cao năng lực nội tại của doanh nghiệp.

- Phát triển doanh nghiệp công nghệ số, tập trung phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo ứng dụng công nghệ số để tạo ra các sản phẩm, dịch vụ mới dựa trên nền tảng dữ liệu số trong các ngành, lĩnh vực kinh tế-xã hội; các doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo về công nghệ số.

- Xây dựng Trung tâm Công nghệ số thực hiện vai trò dẫn dắt, hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số cho các doanh nghiệp; hoàn chỉnh hệ sinh thái khởi nghiệp, kiến tạo các mô hình, sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin chất lượng cao, nhằm thúc đẩy nâng cao hiệu quả hoạt động thông qua ứng dụng các nền tảng số; gắn với các hoạt động thông tin, tuyên truyền, đào tạo, nâng cao kỹ năng chuyển đổi số cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3.2. Xây dựng diễn đàn trao đổi, hợp tác kinh tế

- Xây dựng, tham gia các nền tảng số kết nối các doanh nghiệp với các nhà cung cấp công nghệ, giải pháp. Tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các doanh nghiệp tìm kiếm, lựa chọn công nghệ, giải pháp phù hợp với đặc thù, yêu cầu của từng ngành, lĩnh vực; triển khai các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của tỉnh về đổi mới công nghệ nhằm khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp tăng cường hoạt động đầu tư, ứng dụng, đổi mới, tiếp nhận chuyển giao công nghệ của cuộc CMCN 4.0 vào trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Thường xuyên tổ chức các hội nghị tuyên truyền, kết nối giữa các đơn vị cung cấp nền tảng chuyển đổi số doanh nghiệp với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm khuyến khích ứng dụng công nghệ số

3.3. Phát triển thương mại điện tử

- Hoàn thiện, nâng cấp, mở rộng sàn thương mại điện tử (TMĐT) của địa phương trên môi trường số theo chuỗi giá trị, kết nối đầy đủ các chủ thể trong chuỗi cung ứng; Kết nối, chia sẻ thông tin với các sàn TMĐT uy tín trong nước

và khu vực; quảng bá trực tuyến các hàng hóa, thương hiệu kinh doanh chủ lực của địa phương.

- Triển khai cổng thông tin truy xuất nguồn gốc; ứng dụng truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm chủ lực của tỉnh. Đơn giản và chuẩn hóa quy trình hoạt động của từng chuỗi sản xuất nông nghiệp cùng với việc liên kết chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm.

- Phát triển hạ tầng số phục vụ thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh. Ứng dụng chữ ký số từ xa để thực hiện ký kết hợp đồng điện tử thông qua môi trường mạng.

- Hỗ trợ, đưa các sản phẩm của hộ kinh doanh cá thể, các hộ nông dân lên quảng bá trên môi trường mạng; Hướng dẫn, hỗ trợ bán, mua hàng online; Hỗ trợ mở các tài khoản thanh toán trực tuyến; Thống kê nông sản theo mùa vụ, phối hợp với các sàn TMĐT để đẩy mạnh tiêu thụ hàng hóa, nông sản cho người dân.

- Triển khai ứng dụng rộng rãi nền tảng mã địa chỉ bưu chính Vpostcode trong hoạt động thương mại điện tử và logistic.

- Khuyến khích 100% cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị, địa phương thanh toán các dịch vụ thiết yếu như điện nước, viễn thông, thanh toán các dịch vụ công cộng bằng quét QR, sử dụng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt Mobile Money, các ví thanh toán điện tử giúp lan tỏa và thúc đẩy các hình thức thanh toán điện tử

4. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển Xã hội số

4.1. Phát triển công dân số

- Thực hiện tuyên truyền sâu, rộng về chuyển đổi số, hướng dẫn khuyến khích người dân, doanh nghiệp, du khách sử dụng các nền tảng số để phục vụ các nhu cầu thiết thực của cá nhân. Đưa bộ quy tắc ứng xử trên môi trường số đi vào cuộc sống.

- Xây dựng chương trình đào tạo, phổ cập kỹ năng số cho người dân đưa lên Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh; Cổng đào tạo trực tuyến của tỉnh và các phương tiện thông tin điện tử khác để người dân dễ dàng tiếp cận, học tập.

- Tiếp tục hoàn thiện các ứng dụng, nền tảng số trên các thiết bị di động theo hướng dễ sử dụng, đáp ứng các nhu cầu thiết yếu và mang lại hiệu quả cao, tạo động lực thu hút người dân cài đặt, sử dụng lan tỏa rộng rãi trong cộng đồng.

4.2. Xây dựng Hệ sinh thái xã hội số lấy công dân làm trung tâm trọng tâm xây dựng và phát triển giáo dục số, y tế số, thông tin số

- Cung cấp các khoá học đại trà trực tuyến mở (MOOCS) cho tất cả người dân nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục nhờ công nghệ số, đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng số. Phổ cập việc thi trực tuyến; công nhận giá trị của các chứng chỉ học trực tuyến; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập; phát triển các doanh nghiệp công nghệ phục vụ giáo dục hướng tới đào tạo cá thể hóa.

- Phát triển, hoàn thiện siêu ứng dụng trên thiết bị di động “Công dân Sóc Trăng”, giúp người dân dễ dàng trở thành Công dân số khi cài đặt và sử dụng duy nhất ứng dụng này.

- Tất cả các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh triển khai tiếp nhận khám chữa bệnh Bảo hiểm y tế trên ứng dụng bảo hiểm xã hội số - VssID thay cho thẻ bảo hiểm y tế giấy.

- Phổ cập điện thoại di động thông minh, đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng cho tất cả người dân.

5. Chuyển đổi số trong các lĩnh vực ưu tiên

5.1. Chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp

- Xây dựng, triển khai các nền tảng số tích hợp với các thiết bị IoT hỗ trợ nông dân kỹ thuật canh tác, sản xuất, truy xuất nguồn gốc, tiêu thụ nông sản. Từng bước nâng cao chất lượng theo hướng sản xuất nông sản sạch, nông sản hữu cơ và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đảm bảo nông sản của tỉnh đáp ứng tiêu chuẩn gia nhập thị trường trong nước và quốc tế.

- Đẩy mạnh ứng dụng các thành quả của cuộc CMCN 4.0 vào sản xuất nông nghiệp để tăng năng suất lao động, giảm giá thành sản phẩm.

- Xây dựng và hoàn thiện CSDL về nông nghiệp trên cơ sở cập nhật đầy đủ các thông tin quản lý, thông tin thu thập trong quá trình tương tác với người dân, doanh nghiệp, thông tin thu thập từ các thiết bị IoT để hình thành nên CSDL cho

nền tảng số của hệ sinh thái nông nghiệp. CSDL này được chia sẻ vào Kho dữ liệu dùng chung, kết hợp với thông tin của các ngành Tài nguyên và Môi trường, Du lịch, Công thương, Văn hóa - ẩm thực,... tạo nên một hệ thống toàn diện, giúp công tác quy hoạch phát triển, quản lý nhà nước, đồng thời giúp khai thác triệt để các giá trị của ngành nông nghiệp để phát triển thương mại, du lịch,... Nâng cao giá trị các sản phẩm nông nghiệp, đảm bảo phát triển bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu.

5.2. Chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch

- Số hóa các sản phẩm, điểm, khu du lịch, ẩm thực, thư viện, bảo tàng, văn hóa truyền thống dân tộc của từng địa điểm trên địa bàn tỉnh theo công nghệ hình ảnh 3D, 4D (3D có thêm một chiều thời gian, giúp du khách tìm hiểu ngược về lịch sử, hoặc đi đến tương lai quy hoạch của địa điểm đó). Các dữ liệu này được chia sẻ trên Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh, tích hợp với hệ thống dữ liệu bản đồ số nền (GIS) và các dữ liệu của các ngành, lĩnh vực khác, làm dữ liệu nền cho nền tảng số Du lịch thông minh trên các thiết bị di động, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và du khách dễ dàng hoạch định kế hoạch, tour, tuyến tham quan, du lịch trên địa bàn tỉnh phù hợp với nhu cầu, sở thích.

- Xây dựng, hoàn thiện phân hệ quản lý trong nền tảng số Du lịch thông minh, giúp các cơ quan quản lý nhà nước quản lý toàn diện các thông tin của ngành du lịch. Kết nối với các công ty lữ hành và các kênh truyền thông trên mạng, để quảng bá, xúc tiến, phát triển, mở rộng các sản phẩm du lịch trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

5.3. Chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế

- Nâng cấp, chuẩn hóa, hoàn thiện các hệ thống thông tin đã được triển khai trong thời gian qua của ngành Y tế theo hướng nền tảng số đồng bộ, liên thông, đúng chuẩn dữ liệu của ngành Y tế để tạo lập nên CSDL dùng chung cấp tỉnh ngành Y tế. Tiếp tục triển khai nhân rộng các ứng dụng này cho tất cả cơ sở y tế trên phạm vi toàn tỉnh.

- Xây dựng các ứng dụng trên thiết bị di động trên nền tảng CSDL ngành Y tế phục vụ người dân tạo lập hồ sơ sức khỏe, hồ sơ bệnh án điện tử, tư vấn chăm sóc sức khỏe từ xa, khám chữa bệnh từ xa, đặt lịch khám chữa bệnh, thanh toán điện tử,...

- Xây dựng, hoàn thiện phân hệ quản lý trong nền tảng số của ngành y tế, phục vụ công tác quản lý chuyên môn của ngành, đồng thời khai phá dữ liệu, phân tích, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong phòng, chống dịch bệnh, tác hại môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm.

5.4. Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo

- Nâng cấp, chuẩn hóa các hệ thống thông tin đã được triển khai để đảm bảo tính đồng bộ, liên thông và lưu trữ thông tin thống nhất vào CSDL ngành Giáo dục và Đào tạo. Tiếp tục triển khai đồng bộ đến các cơ sở giáo dục trên phạm vi toàn tỉnh.

- Xây dựng và triển khai các nền tảng số hỗ trợ dạy và học; tất cả các cơ sở giáo dục có đủ điều kiện triển khai công tác dạy và học từ xa, ứng dụng công nghệ số trong việc giảng dạy của giáo viên, giảng viên và học tập của học sinh, sinh viên. Đảm bảo triển khai chương trình dạy học trực tuyến theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Xây dựng và triển khai các nền tảng số, số hóa bài giảng, tài liệu dạy học, chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tuyến phục vụ nhu cầu tự học, tự nghiên cứu trong cộng đồng, hình thành hệ sinh thái giáo dục thông minh với sự tham gia của giáo viên, giảng viên, học sinh, sinh viên.

- Phát triển hệ thống thư viện điện tử, trung tâm học liệu, cơ sở lưu trữ,... hình thành thư viện số, trung tâm lưu trữ tài nguyên số kết nối hiệu quả trên nền tảng Internet.

- Xây dựng và hoàn thiện phân hệ quản lý nhà nước trên nền tảng số ngành Giáo dục và Đào tạo, tạo lập môi trường số quản lý toàn diện ngành, phục vụ hiệu quả công tác quản lý, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

5.5. Chuyển đổi số trong lĩnh vực an sinh xã hội

- Xây dựng và triển khai nền tảng số và CSDL an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh. Số hóa và cập nhật thông tin đầy đủ lên nền tảng, phục vụ nhu cầu quản lý và hoạch định các chính sách thiết thực, hiệu quả về an sinh xã hội cho lãnh đạo tỉnh và các địa phương trên địa bàn tỉnh. Đảm bảo không ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình chuyển đổi số của tỉnh.

- Xây dựng và triển khai ứng dụng tiếp cận an sinh xã hội trên các thiết bị di động để phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Tích hợp các CSDL về Đào tạo, dạy nghề, lao động – việc làm để giúp các cơ quan nhà nước hoạch định chính sách hỗ trợ, đào tạo, dạy nghề,... giúp người dân nâng cao thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống.

5.6. Chuyển đổi số trong một số lĩnh vực quan trọng khác

5.6.1. Giao thông vận tải và logistics

Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về giao thông vận tải phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của ngành giao thông vận tải của tỉnh.

Hoàn thiện CSDL ngành giao thông vận tải và chia sẻ cho các cơ quan có nhu cầu sử dụng thông qua trực tích hợp dữ liệu LGSP của địa phương, chia sẻ cho người dân và doanh nghiệp thông qua cổng dữ liệu mở của tỉnh.

Xây dựng Hệ thống quản lý hạ tầng giao thông (bến xe, trạm xe bus, hệ thống đèn tín hiệu, biển báo...).

5.6.2. Lĩnh vực năng lượng, công nghiệp, thương mại

- Ưu tiên tập trung cho ngành điện lực hướng đến tối đa hóa và tự động hóa các mạng lưới cho việc cung ứng điện một cách hiệu quả; kết nối các đồng hồ đo điện số để cải thiện tốc độ và sự chính xác của hóa đơn, xác định sự cố về mạng lưới nhanh hơn, hỗ trợ người dùng cách tiết kiệm năng lượng và phát hiện ra các tổn thất, mất mát điện năng.

- Chuyển đổi số trong doanh nghiệp, sản xuất công nghiệp theo hướng chú trọng phát triển các doanh nghiệp trụ cột: xây dựng chiến lược và cơ cấu tổ chức thông minh, xây dựng nhà máy thông minh, vận hành thông minh, tạo ra các sản phẩm thông minh, xây dựng dịch vụ về dữ liệu và phát triển kỹ năng số cho người lao động.

5.6.3. Lĩnh vực tài chính, ngân hàng

- Xây dựng tài chính điện tử và thiết lập nền tảng tài chính số hiện đại, bền vững. Triển khai ứng dụng toàn diện công nghệ số trong các ngành thuế, hải quan, kho bạc,...

- Chuyển đổi số trong các ngân hàng thương mại để cung cấp dịch vụ ngân hàng số theo hướng phát triển đa dạng các kênh phân phối, đổi mới sáng tạo, tự động hóa quy trình, thúc đẩy hợp tác với các công ty công nghệ tài chính (fintech) và trung gian thanh toán trong việc xây dựng hệ sinh thái dịch vụ tài chính ngân hàng để thúc đẩy phổ cập tài chính quốc gia, đưa dịch vụ tài chính - ngân hàng đến gần hơn những đối tượng vùng sâu, vùng xa chưa có khả năng tiếp cận hoặc chưa được ngân hàng phục vụ dựa vào sự đổi mới sáng tạo của công nghệ như thanh toán di động, cho vay ngang hàng.

- Hỗ trợ khả năng tiếp cận vốn vay nhờ các giải pháp chấm điểm tín dụng với kho dữ liệu khách hàng và mô hình chấm điểm đáng tin cậy.

5.6.4. Lĩnh vực Tài nguyên và môi trường

- Triển khai các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu lớn (cơ sở dữ liệu về: Đất đai; nền địa lý quốc gia; quan trắc tài nguyên và môi trường; đa dạng sinh học; nguồn thủy; viễn thám; biển và hải đảo; biến đổi khí hậu; khí tượng - thủy văn; địa chất - khoáng sản;...) nhằm quản lý hiệu quả lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

- Triển khai nâng cấp, mở rộng các giải pháp thông minh trong quan trắc, giám sát, quản lý, xử lý sự cố môi trường, cảnh báo sớm thiên tai.

5.6.5. Lĩnh vực Xây dựng

- Xây dựng CSDL về hạ tầng kỹ thuật các đô thị.

- Xây dựng hệ thống CSDL về bản đồ nền quy hoạch đô thị.

- Xây dựng CSDL cung cấp các thông tin về quy hoạch xây dựng.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Tổng mức đầu tư và lộ trình thực hiện

(Chi tiết theo phụ lục kèm)

2. Nguồn vốn

Ngân sách Trung ương và địa phương, xã hội hóa, tài trợ và các nguồn hợp pháp khác.

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. BAN CHỈ ĐẠO CHUYÊN ĐỔI SỐ

- Chỉ đạo cao nhất và toàn diện về quá trình triển khai Đề án trên địa bàn tỉnh. Cho ý kiến chỉ đạo đối với các dự thảo kế hoạch hành động triển khai Đề án của các Sở ban ngành, địa phương.

- Chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các Sở ban ngành, địa phương trong triển khai Đề án.

- Chỉ đạo sự hợp tác giữa các ngành và các tổ chức để đạt được các mục tiêu của Đề án (ban hành quy chế phối hợp các cơ quan để triển khai Đề án).

- Đưa ra ý kiến chỉ đạo về các vấn đề có tầm quan trọng chiến lược đối với chuyển đổi số của tỉnh.

- Chỉ đạo để đảm bảo ngân sách, nguồn lực triển khai Đề án.

II. CÁC SỞ, BAN, NGÀNH, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TRỰC THUỘC UBND TỈNH, UBND CẤP HUYỆN

1. Nhiệm vụ chung

- Chủ trì phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng Kế hoạch, Chương trình thực hiện Đề án và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số của ngành, địa phương đúng tiến độ, chất lượng.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý vận hành hiệu quả các nền tảng số, phần mềm, CSDL đã được triển khai.

- Chủ trì phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nội vụ bố trí đủ nguồn nhân lực CNTT cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý đảm bảo thực hiện thành công Đề án.

- Trong quá trình thực hiện, các sở ngành, các địa phương rà soát, bổ sung nhiệm vụ theo tình hình thực tế gửi về Sở TT&TT tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

2. Nhiệm vụ cụ thể

2.1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo, có nhiệm vụ theo dõi, đôn đốc thường xuyên tình hình triển khai Đề án và tổng hợp, đánh giá các nhiệm vụ được

giao cho các cơ quan, báo cáo Ban Chỉ đạo (định kỳ 03 tháng, 06 tháng, năm và đột xuất); đề xuất cập nhật, bổ sung các nội dung Đề án khi cần thiết, đáp ứng tình hình thực tế.

- Chủ trì tham mưu Ban Chỉ đạo triển khai kiến trúc Chính quyền điện tử, kiến trúc Chính quyền số theo kiến trúc của Chính phủ. Chủ trì tham mưu triển khai các nền tảng, phần mềm lõi phục vụ chính quyền điện tử, chính quyền số tỉnh.

- Chủ trì tổ chức triển khai công tác thông tin, tuyên truyền để nâng cao nhận thức về tầm quan trọng và vai trò chuyển đổi số trong cuộc sống cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp. Tạo sự đồng thuận toàn xã hội cùng tham gia, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số.

- Hỗ trợ các Sở ban ngành, các huyện, thị xã, thành phố xây dựng và triển khai các Kế hoạch, chương trình thực hiện Đề án.

- Thẩm định các Kế hoạch, Chương trình, Dự án chuyển đổi số của các Sở ban ngành, các huyện, thị xã, thành phố để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, tránh trùng lặp trong kiến trúc tổng thể chung của Đề án Chuyển đổi số tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp tham mưu danh mục các dự án kêu gọi đầu tư vào lĩnh vực công nghệ số, công nghệ thông tin để làm cơ sở thu hút, mời gọi đầu tư.

- Chủ trì, phối hợp Sở Nội vụ và các cơ quan có liên quan xây dựng kế hoạch đào tạo, tập huấn đối với công chức, viên chức để nâng cao năng lực, kỹ năng thực hiện chuyển đổi số.

2.2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đôn đốc các cơ quan, đơn vị trong việc triển khai thực hiện Đề án.

- Chủ trì, phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông triển khai thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

2.3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số của ngành theo Đề án.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai các giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển kinh tế số theo Đề án.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính và các Sở, ngành liên quan ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công trung hạn và các nguồn vốn hợp pháp khác đảm bảo ngân sách phục vụ chuyển đổi số.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu UBND tỉnh đẩy mạnh triển khai các dự án phục vụ chuyển đổi số theo hình thức đối tác công tư (PPP); tham mưu triển khai thực hiện các giải pháp xây dựng chính sách, tư vấn, hỗ trợ, đề xuất các cơ chế huy động các nguồn vốn trong và ngoài nước cho các doanh nghiệp đầu tư phát triển công nghệ thông tin; Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp công nghệ số Kế hoạch số 179/KH-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh Sóc Trăng về phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021 – 2025 và định hướng đến năm 2030.

2.4. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan nghiên cứu chuyển đổi về các lĩnh vực quản lý giá, tài sản công, quản lý ngân sách, đầu tư.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ của Đề án theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định hiện hành.

2.5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số của ngành theo Đề án.

- Chủ trì phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng và hoàn thiện các CSDL về nông nghiệp.

2.6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chủ trì, triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số của ngành theo Đề án. Hoàn thiện đưa vào vận hành Hệ thống Du lịch thông minh của tỉnh.

- Chủ trì phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng và hoàn thiện các CSDL ngành văn hóa, thể thao, du lịch.

2.7. Sở Y tế

- Chủ trì, triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số của ngành theo Đề án. Nghiên cứu chuyên đổi về Bệnh viện thông minh, Hệ thống quản lý khám, chữa bệnh, khám chữa bệnh từ xa,....

- Chủ trì phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu UBND tỉnh các nội dung có liên quan về chuyển đổi số ngành y tế.

2.8. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số của ngành theo Đề án. Xây dựng, triển khai các nền tảng số phục vụ giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh và các nền tảng phục vụ cho đào tạo, quản lý ngành giáo dục

- Chủ trì phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu UBND tỉnh các nội dung có liên quan về chuyển đổi số ngành giáo dục.

- Ngành Giáo dục là đơn vị đi đầu trong chuyển đổi số, tích cực trong việc lồng ghép chuyển đổi số trong toàn ngành nhằm tạo ra thể hệ công nhân trẻ có nhận thức tốt trong công cuộc chuyển đổi số.

2.9. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số của ngành theo Đề án. Hoàn thành nhập liệu và số hóa nội dung các phân hệ cơ sở dữ liệu An sinh xã hội.

- Chủ trì phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu UBND tỉnh các nội dung có liên quan về chuyển đổi số của ngành.

2.10. Sở Nội vụ

Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan có liên quan xây dựng kế hoạch đào tạo, tập huấn đối với công chức, viên chức để nâng cao năng lực, kỹ năng thực hiện chuyển đổi số.

2.11. Sở Khoa học và Công nghệ

Sở KH&CN phối hợp các Sở, ngành, địa phương, các tổ chức có liên quan đề xuất, xây dựng các nhiệm vụ KH&CN ứng dụng công nghệ số hoặc tích hợp

cùng các công nghệ khác phục vụ sản xuất và đời sống. Đẩy mạnh tìm kiếm, thu thập và phổ biến thông tin về hoạt động đổi mới sáng tạo trong chuyển đổi số nhất là lĩnh vực xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới thông minh.

2.12. Sở Công thương

- Chủ trì, triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số của ngành theo Đề án; vận hành sàn thương mại điện tử tỉnh.

- Phối hợp với các Sở, ngành, địa phương hỗ trợ doanh nghiệp đưa các sản phẩm của hộ kinh doanh cá thể, các hộ nông dân lên môi trường mạng; hướng dẫn hỗ trợ bán, mua hàng online.

III. CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ KHÁC

1. Các ngành Thuế, Kho bạc, Ngân hàng

- Bám sát chủ trương của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tham mưu thực hiện cơ chế, chính sách để các doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh được tiếp cận tín dụng một cách thuận lợi.

- Thường xuyên theo dõi, chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện các chương trình tín dụng ưu đãi (chương trình cho vay kích cầu đầu tư, cho vay với lãi suất ưu đãi) cho các doanh nghiệp công nghệ số nhằm hỗ trợ các sản phẩm chuyển đổi số chủ lực và doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số.

- Chỉ đạo các Ngân hàng thương mại tổ chức Hội nghị kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp chuyển đổi số và hàng năm xây dựng báo cáo kết quả thực hiện.

- Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, các sở, ngành, địa phương trong việc triển khai các chương trình, chính sách tín dụng để thúc đẩy chuyển đổi số.

2. Các doanh nghiệp Thông tin và Truyền thông

- Tích cực tham gia triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tạo nền móng chuyển đổi số, phát triển Chính quyền điện, Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Chủ động thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của doanh nghiệp, phát triển hạ tầng số, nền tảng số, đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng.

- Thể hiện vai trò dẫn dắt, hỗ trợ các doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể thực hiện hiệu quả chuyển đổi số trong hoạt động.

- Các doanh nghiệp công nghệ số lớn trong tỉnh có các hoạt động liên kết với Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh trong hoạt động chuyển đổi số doanh nghiệp; song hành cung cấp các ưu đãi cho doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số.

3. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, thanh niên, người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến; phát huy vai trò của tổ chức Đoàn các cấp hình thành lực lượng nòng cốt; tăng cường bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng tuyên truyền, vận động, hỗ trợ thực hiện sử dụng dịch vụ công trực tuyến; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, đánh giá, tuyên dương, khen thưởng kịp thời để nhân rộng mô hình, điển hình; có cơ chế hỗ trợ hoạt động.

- Thành lập và phối hợp tổ chức tập huấn cho các Đội hình “Thanh niên xung kích” cấp tỉnh, huyện, xã; làm hạt nhân trong các tổ “Công nghệ cộng đồng”, tham mưu, phối hợp cấp ủy, chính quyền các cấp ban hành văn bản chỉ đạo tổ chức Đoàn các cấp tích cực tham gia, nhằm phát huy sức trẻ, lan tỏa năng lượng chuyển đổi số cho cộng đồng, xã hội.

PHẦN IV

TÍNH KHẢ THI VÀ HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN

I. TÍNH KHẢ THI CỦA ĐỀ ÁN

Đánh giá trên nhiều phương diện từ định hướng phát triển, hiện trạng, và kỳ vọng cần hướng đến của tỉnh Sóc Trăng, tính phù hợp với định hướng của Đảng và Nhà nước, và xu hướng chung trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia, Đề án đã xác định tính tất yếu để xây dựng chuyển đổi số cho tỉnh Sóc Trăng. Tuy nhiên, việc triển khai chuyển đổi số là một

quá trình phức tạp, dài hạn đòi hỏi sự tham gia của nhiều thành phần xã hội, nhiều lực lượng, chính quyền và nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Sau khi đề ra các nội dung định hướng tổng thể cho việc xây dựng chuyển đổi số tỉnh Sóc Trăng, Đề án đã đề xuất lộ trình triển khai các giải pháp công nghệ trong giai đoạn 2021- 2025 và định hướng 2030. Đồng thời, Đề án đã đề xuất những đầu việc, giải pháp phi công nghệ để hỗ trợ cho việc triển khai thực hiện. Các giải pháp về công nghệ và phi công nghệ trên sẽ hỗ trợ cho tỉnh tập trung sử dụng tốt hơn các nguồn lực, cho phép triển khai các giải pháp mang tính tổng thể - liên ngành, tiến xa hơn là các khả năng dự báo, thay đổi tư duy, áp dụng các công nghệ mới như dữ liệu lớn (Big Data), Internet cho vạn vật (IoT), Trí tuệ nhân tạo (AI), điện toán đám mây (Cloud),... giúp giải quyết các vấn đề tổng thể của tỉnh Sóc Trăng, phát huy vai trò của người dân và doanh nghiệp, đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội cho tỉnh.

II. HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN

Chuyển đổi số không phải thêm việc, mà là chuyển đổi cách thực hiện qua phương thức mới để thực hiện công việc nhanh chóng, hiệu quả hơn thông qua các nội dung sau:

1. Hiệu quả quản lý nhà nước

- Chuyển đổi số sử dụng dữ liệu và hệ thống công nghệ số, qua đó làm thay đổi nghiệp vụ, mô hình và phương thức hoạt động của bộ máy cơ quan nhà nước theo hướng hiện đại, minh bạch, tiên tiến hơn.

- Chuyển đổi số cũng đang dần thay đổi nhận thức của lãnh đạo, người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, có khả năng quyết định hướng đi và sự thành công của cơ quan và tổ chức.

- Trong quá trình chuyển đổi số, chính quyền đóng vai trò tiên phong, kết nối, để tất cả các lực lượng cùng tham gia chuyển đổi số, góp phần xây dựng chính quyền số hiệu quả, phục vụ người dân tốt, phát triển nền kinh tế số mang lại giá trị thặng dư cao hơn.

2. Hiệu quả về mặt kinh tế

Đề án giúp cho tỉnh có cơ sở khoa học và thực tiễn để xây dựng các chủ trương, chiến lược, cơ chế, chính sách tạo môi trường pháp lý thúc đẩy việc xây dựng, phát triển tỉnh Sóc Trăng trở thành tỉnh phát triển khá trong khu vực; tạo

lập dữ liệu mở dễ dàng truy cập, sử dụng, tăng cường công khai, minh bạch, phòng, chống tham nhũng, thúc đẩy phát triển các dịch vụ số trong nền kinh tế; cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao, cả trên thiết bị di động để người dân, doanh nghiệp có trải nghiệm tốt nhất về dịch vụ, nhanh chóng, chính xác, không giấy tờ, giảm chi phí.

Đề án có tác động sâu rộng, bao trùm lên tất cả các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội, góp phần tăng năng suất lao động, chuyển đổi mô hình hoạt động sản xuất, kinh doanh theo hướng đổi mới sáng tạo, mở ra không gian tăng trưởng mới cho nền kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, góp phần tăng trưởng kinh tế bền vững và giải các bài toán kinh tế - xã hội của tỉnh; công nghệ số được tích hợp vào mọi mặt đời sống, tại nơi ở, nơi làm việc, nơi học tập, nơi mua sắm, và nơi giải trí, giúp cho mọi việc đều nhanh hơn và thuận lợi hơn, giúp người dân thực hiện các công việc hàng ngày tối ưu hơn và dễ dàng hơn, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng lên; góp phần thúc đẩy phát triển mạnh mẽ kinh tế của địa phương, đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội và sự phát triển bền vững của địa phương.

3. Hiệu quả về mặt xã hội

- Chuyển đổi số hiện đang tác động vào công việc và cuộc sống hàng ngày của chúng ta với sức mạnh vô cùng lớn. Chuyển đổi số là chủ đề quan tâm chính của những năm gần đây, đặc biệt trong giai đoạn cuộc sống hiện nay, giai đoạn dịch bệnh Covid - 19.

- Chuyển đổi số giúp cho xã hội được trang bị các nền tảng dịch vụ hỗ trợ thông minh, các nền tảng này thực hiện các công việc trong cuộc sống một cách hiệu quả và thông minh nhất, cụ thể: Gợi ý, đưa ra lời khuyên, đưa ra các quyết định, đề xuất làm việc, học tập, kèm theo các khuyến nghị hoặc hỗ trợ quản lý khối lượng công việc hàng ngày.

- Các nền tảng công nghệ mới cho phép mọi người khắp nơi trên thế giới giao tiếp với nhau một cách dễ dàng và thuận tiện. Việc kết nối này còn đem lại hiệu quả rất cao. mang lại rất nhiều tiềm năng và cơ hội lớn cho người sử dụng.

- Chuyển đổi số cũng đang dần tác động vào trong cuộc sống khi có thể trải nghiệm các dịch vụ công hay các dịch vụ được cung cấp từ các cơ quan hành chính, doanh nghiệp ngày càng thuận tiện, nhanh chóng. Các giao dịch như: dịch

vụ công, ngân hàng, mua sắm,... hoàn toàn có thể thực hiện qua mạng mà không cần phải đến tận nơi thực hiện.

III. ĐÁNH GIÁ VỀ NHỮNG THÁCH THỨC, RỦI RO CỦA ĐỀ ÁN

1. Rủi ro về công nghệ, giải pháp kỹ thuật

Công nghệ luôn thay đổi rất nhanh chóng. Vì vậy, công nghệ sử dụng để triển các dự án phục vụ chuyển đổi số luôn chứa đựng những rủi ro nhất định. Rất dễ lạc hậu nếu chúng ta không thực hiện nhanh chóng.

2. Rủi ro do cơ cấu tổ chức và cơ chế chính sách

- Chuyển đổi số là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên các công nghệ số. Khi triển khai chuyển đổi số sẽ dẫn đến những thay đổi nhất định trong cơ cấu tổ chức bao gồm: thay đổi cách thức xử lý công việc đối với bộ phận tiếp nhận vận hành, thay đổi hành vi và những cảm nhận của bộ phận hưởng thụ kết quả đề án. Điều này cần phải được tính đến những yếu tố tác động của đề án trước khi bắt đầu triển khai đề án để có những chuẩn bị kịp thời, cũng như trong quá trình triển khai và khi kết thúc triển khai, cần có những đào tạo nhận thức đối với từng đối tượng cụ thể.

- Khi áp dụng công nghệ tự động hiện đại, chúng ta sẽ làm thay đổi quy trình, thói quen, tính kỷ luật trong các bài toán nghiệp vụ và các mối tương tác G2G, G2B, G2C. Vì vậy, việc chuyển đổi số rất cần các cơ chế chính sách đồng bộ đi kèm, nếu thiếu sự đồng bộ giữ cơ chế, chính sách thì hệ thống sẽ không phát huy được hiệu quả đầu tư. Do đó, tính cần bảo đảm đầu tư hạ tầng kỹ thuật phải song song với việc có các cơ chế chính sách linh hoạt, phù hợp với từng thời kỳ.

3. Rủi ro về tài chính

Việc thiếu ngân sách, chi phí đầu tư cho việc thực hiện các nhiệm vụ của Đề án. Chính vì vậy, các nhiệm vụ được phê duyệt theo Đề án cần được cân nhắc kỹ về nguồn lực tài chính, bao gồm cả nguồn lực ngân sách và huy động từ xã hội, xây dựng phương án tài chính đảm bảo rồi mới bắt tay vào triển khai.

4. Rủi ro về nguồn nhân lực

Trong quá trình chuyển đổi số cần đảm bảo hai loại nhân lực đó là nhân lực trực tiếp triển khai dự án (thông thường là Nhà thầu được lựa chọn thông qua đấu

thầu) và nhân lực tiếp nhận và vận hành hệ thống sau khi được chuyển giao công nghệ. Những yếu tố rủi ro về nhân lực có thể được giảm bớt nếu tỉnh lựa chọn phương án triển khai các dự án phục vụ chuyển đổi số trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa hình thức tự đầu tư và hình thức thuê ngoài dịch vụ, khi đó tỉnh có thể tận dụng tối đa sức mạnh của các doanh nghiệp đối với nguồn nhân lực CNTT để vận hành hệ thống để từ đó tập trung đào tạo chuyên sâu nhân lực tiếp nhận hệ thống với vai trò là người khai thác sử dụng.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Xu hướng triển khai chuyển đổi số là xu hướng tất yếu của từng địa phương trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đang diễn ra trên toàn cầu, tạo ra một đất nước kết nối của vạn vật, tận dụng được sức mạnh tổng hợp của tất cả các nguồn dữ liệu nhằm giải quyết các vấn đề mà mô hình quản trị truyền thống vốn dĩ không thể giải quyết được một cách hiệu quả.

- Việc triển khai xây dựng chuyên đổi số là giải pháp cần thiết để tỉnh Sóc Trăng giải quyết các vấn đề đang vướng mắc, nâng cao chất lượng cuộc sống, thúc đẩy phát triển kinh tế, trở thành một mô hình điển hình trong chuyển đổi số của khu vực.

Phụ lục

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN CHỦ YẾU TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH SÓC TRĂNG ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến phân kỳ kinh phí ngân sách tỉnh										Dự kiến tổng các nguồn kinh phí giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú	
					2021		2022		2023		2024		2025		Ngân sách tỉnh		Nguồn TW	Nguồn XHH		Tổng cộng (NS tỉnh + TW+ XHH)
					SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT				
	TỔNG				12.800	12.000	28.605	170.430	46.145	195.470	35.883	133.375	35.475	84.385	158.908	595.660	46.000	114.000	914.568	
I	CHUYỂN ĐỔI NHẬN THỨC						500		1.200		1.200		1.200		4.100			4.100		
I.1	<i>Các nhiệm vụ thường xuyên tiếp tục triển khai; các dự án đã được cấp kinh phí</i>						500		1.000		1.000		1.000		3.500			3.500		
1	Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức; đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng về chuyển đổi số cho lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức; người dân và doanh nghiệp	Sở TT&TT	- Các SBN; - UBND cấp huyện;	2022-2025			500		1.000		1.000		1.000		3.500			3.500		
I.2	<i>Các nhiệm vụ, dự án mới bổ sung trong Đề án này</i>								200		200		200		600			600		

TT	Danh mục dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến phân kỳ kinh phí ngân sách tỉnh										Dự kiến tổng các nguồn kinh phí giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú	
					2021		2022		2023		2024		2025		Ngân sách tỉnh		Nguồn TW	Nguồn XHH		Tổng cộng (NS tỉnh + TW + XHH)
					SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT				
	TỔNG				12.800	12.000	28.605	170.430	46.145	195.470	35.883	133.375	35.475	84.385	158.908	595.660	46.000	114.000	914.568	
2	Tổ chức sự kiện “Ngày chuyển đổi số”; tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm về chuyển đổi số, công nghệ số tại tỉnh nhằm trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, mô hình, giải pháp đã triển khai thành công	Sở TT&TT	- Các SBN; - UBND cấp huyện;	2022-2025					200		200			200		600			600	
II	CHÍNH QUYỀN SỐ				12.200	12.000	15.200	170.430	24.400	175.325	25.400	101.530	25.000	51.540	102.200	510.825	30.000		643.025	
II.1	<i>Các nhiệm vụ thường xuyên tiếp tục triển khai; các dự án đã được cấp kinh phí</i>				<i>12.200</i>	<i>12.000</i>	<i>15.200</i>	<i>170.430</i>	<i>14.100</i>	<i>172.325</i>	<i>15.100</i>	<i>88.530</i>	<i>16.100</i>	<i>39.540</i>	<i>72.700</i>	<i>482.825</i>			<i>555.525</i>	
II.1.1	Xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính tỉnh Sóc Trăng	Sở TN&MT	UBND cấp huyện	2023-2025					20.000		25.000			20.000		65.000			65.000	Công văn số 1746/TNMT-KHTC ngày 25/7/2022. Để thực hiện dự án nhu cầu vốn còn lại cần phải bố trí là 258.643 triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến phân kỳ kinh phí ngân sách tỉnh										Dự kiến tổng các nguồn kinh phí giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú	
					2021		2022		2023		2024		2025		Ngân sách tỉnh		Nguồn TW	Nguồn XHH		Tổng cộng (NS tỉnh + TW + XHH)
					SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT				
	TỔNG				12.800	12.000	28.605	170.430	46.145	195.470	35.883	133.375	35.475	84.385	158.908	595.660	46.000	114.000	914.568	
II.1.2	Xây dựng bản đồ nền tỉnh Sóc Trăng (GIS)	Sở TN&MT	Sở TT&TT																	Thuộc dự án số II.1.6 Chính quyền số
II.1.3	Xây dựng CSDL về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh	Sở Tư pháp	- Các SBN; - UBND cấp huyện;	2022-2025			2.900								2.900			2.900		Bổ sung thông tin thuộc QĐ nào
II.1.4	Nâng cấp bổ sung nền tảng Chính phủ điện tử theo khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam 2.0; Nâng cấp, tích hợp, xây dựng, kết nối cơ sở dữ liệu dùng chung phục vụ Chính quyền điện tử và Đô thị thông minh	Sở TT&TT	- Các SBN; - UBND cấp huyện;	2021-2024		12.000		20.000		22.325						54.325		54.325		Đã nằm trong Kế hoạch trung hạn (NQ số 11/NQ-HĐND ngày 12/5/2021)
II.1.5	Xây dựng kho cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Sóc Trăng; công dịch vụ dữ liệu mở của tỉnh; số hóa dữ liệu xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Sóc Trăng	Sở TT&TT	- Các SBN; - UBND cấp huyện;	2022-2025				460		30.000		25.000		9.540		65.000		65.000		Đã nằm trong Kế hoạch trung hạn (NQ số 11/NQ-HĐND ngày 12/5/2021)

TT	Danh mục dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến phân kỳ kinh phí ngân sách tỉnh										Dự kiến tổng các nguồn kinh phí giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú	
					2021		2022		2023		2024		2025		Ngân sách tỉnh		Nguồn TW	Nguồn XHH		Tổng cộng (NS tỉnh + TW + XHH)
					SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT				
	TỔNG				12.800	12.000	28.605	170.430	46.145	195.470	35.883	133.375	35.475	84.385	158.908	595.660	46.000	114.000	914.568	
II.1.6	Xây dựng phần mềm nền tảng; CSDL chuyên ngành của tỉnh kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với trực liên thông tích hợp LGSP	Sở TT&TT	- Các SBN; - UBND cấp huyện;	2022-2024				380		30.000								39.500	39.500	Đã nằm trong Kế hoạch trung hạn (NQ số 11/NQ-HĐND ngày 12/5/2021)
II.1.7	Đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa điện tử liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính	Sở TT&TT	- Các SBN; - UBND cấp huyện;	2022-2024				340		20.000								30.000	30.000	Đã nằm trong Kế hoạch trung hạn (NQ số 11/NQ-HĐND ngày 12/5/2021)
II.1.8	Xây dựng và duy trì hoạt động Trung tâm giám sát an toàn thông tin tỉnh Sóc Trăng (SOC)	Sở TT&TT		2022-2024				250		20.000								25.000	25.000	Đã nằm trong Kế hoạch trung hạn (NQ số 11/NQ-HĐND ngày 12/5/2021)
II.1.9	Hệ thống camera giám sát an ninh trật tự, an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng	Công an tỉnh	Các SBN	2023-2025				149.000		15.000								164.000	164.000	Dự án Camera Công an tỉnh triển khai

TT	Danh mục dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến phân kỳ kinh phí ngân sách tỉnh										Dự kiến tổng các nguồn kinh phí giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú	
					2021		2022		2023		2024		2025		Ngân sách tỉnh		Nguồn TW	Nguồn XHH		Tổng cộng (NS tỉnh + TW + XHH)
					SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT				
	TỔNG				12.800	12.000	28.605	170.430	46.145	195.470	35.883	133.375	35.475	84.385	158.908	595.660	46.000	114.000	914.568	
II.1.10	Triển khai ứng dụng cho các cơ quan Đảng, Mặt trận, tổ chức chính trị, xã hội và kết nối với các cơ quan chính quyền.	VP Tỉnh uỷ	Các cơ quan tham mưu giúp việc tỉnh uỷ	2023-2025						15.000			15.000		10.000			40.000	40.000	QĐ số 27-BBT
II.1.11	Thuê hệ thống thiết bị hội nghị Truyền hình trực tuyến cho 109 xã, phường, thị trấn, tỉnh Sóc Trăng	Sở TT&TT		2021-2025	3.400		3.500		3.800		3.800		3.800		18.300			18.300		
II.1.12	Thuê hệ thống mạng truyền số liệu chuyên dùng cho các CQNN trên địa bàn tỉnh.	Sở TT&TT	- Các SBN; - UBND cấp huyện;	2021-2025	800		800		1.800		1.800		1.800		7.000			7.000		Từ năm 2023 mở rộng mạng TSLCD đến cấp xã
II.1.13	Mua sắm thay thế, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật; gia hạn bản quyền phần mềm cho Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh.	Sở TT&TT		2022-2025	2.000		2.000		2.000		2.500		3.000		11.500			11.500		

TT	Danh mục dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến phân kỳ kinh phí ngân sách tỉnh										Dự kiến tổng các nguồn kinh phí giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú	
					2021		2022		2023		2024		2025		Ngân sách tỉnh		Nguồn TW	Nguồn XHH		Tổng cộng (NS tỉnh + TW + XHH)
					SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT				
	TỔNG				12.800	12.000	28.605	170.430	46.145	195.470	35.883	133.375	35.475	84.385	158.908	595.660	46.000	114.000	914.568	
II.1.14	Các hoạt động thường xuyên khác (hoạt động của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số; Vận hành TT.IOC, TT Tích hợp dữ liệu, Công TTĐT,...; bảo trì các hệ thống dùng chung; hỗ trợ các đơn vị trong công tác chuyển đổi số;.....	Sở TT&TT	- Các SBN; - UBND cấp huyện;	2021-2025	6.000		6.000		6.500		7.000		7.500		33.000				33.000	
II.2	Các nhiệm vụ, dự án mới bổ sung trong Đề án này								10.300	3.000	10.300	13.000	8.900	12.000	29.500	28.000	30.000		87.500	
II.2.1	Xây dựng kiến trúc về công nghệ thông tin (ICT) cho đô thị thông minh tỉnh Sóc Trăng	Sở TT&TT	- Các SBN; - UBND cấp huyện;	2023 - 2025					500		500				1.000				1.000	
II.2.2	Triển khai Trung tâm giám sát điều hành cho các huyện, thị xã	Sở TT&TT	-Các huyện, thị xã	2023-2025					800		800		400		2.000				2.000	Các huyện, thị xã tự đầu tư hệ thống hiển thị.

TT	Danh mục dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến phân kỳ kinh phí ngân sách tỉnh										Dự kiến tổng các nguồn kinh phí giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú	
					2021		2022		2023		2024		2025		Ngân sách tỉnh		Nguồn TW	Nguồn XHH		Tổng cộng (NS tỉnh + TW + XHH)
					SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT				
	TỔNG				12.800	12.000	28.605	170.430	46.145	195.470	35.883	133.375	35.475	84.385	158.908	595.660	46.000	114.000	914.568	
II.2.3	Thu thập, chuẩn hóa một số dữ liệu của các Sở, ngành, địa phương cho Trung tâm Giám sát điều hành tỉnh Sóc Trăng	Sở TT&TT	- Các SBN; - UBND cấp huyện;	2023-2025					500		500			500		1.500			1.500	
II.2.4	Triển khai hệ thống CSDL quản lý CBCCVC	Sở Nội vụ	- Các SBN; - UBND cấp huyện;	2023-2025					1.000		1.000			1.000		3.000			3.000	
II.2.5	Chuyển đổi số trong lĩnh vực Giao thông vận tải	Sở GTVT								2.000		2.000		1.000		5.000			5.000	
II.2.6	Số hóa hộ tịch	Sở Tư pháp	- Các SBN; - UBND cấp huyện;	2022-2025					1.000		1.000			1.000		3.000			3.000	

TT	Danh mục dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến phân kỳ kinh phí ngân sách tỉnh										Dự kiến tổng các nguồn kinh phí giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú	
					2021		2022		2023		2024		2025		Ngân sách tỉnh		Nguồn TW	Nguồn XHH		Tổng cộng (NS tỉnh + TW + XHH)
					SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT				
	TỔNG				12.800	12.000	28.605	170.430	46.145	195.470	35.883	133.375	35.475	84.385	158.908	595.660	46.000	114.000	914.568	
II.2.7	Xây dựng hệ thống quản lý các đề tài sáng kiến của tỉnh	Sở KH&CN	- Các SBN; - UBND cấp huyện;	2023-2025					1.000			500							1.500	
II.2.8	Nền tảng trợ lý ảo phục vụ hoạt động của CQNN.	Sở TT&TT		2024-2025								500		500					1.000	Từ năm 2024 thuê nền tảng trợ lý ảo phục vụ các hoạt động hàng ngày cho CBCCV
II.2.9	Áp dụng công nghệ phân tích dữ liệu lớn (Big Data Analytics), trí tuệ nhân tạo (AI) để thực hiện chuyển đổi số một số công tác chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước.	Sở TT&TT	- Các SBN; - UBND cấp huyện;	2024-2025									10.000		10.000			20.000	20.000	Phân tích kho dữ liệu lớn của Sóc Trăng

TT	Danh mục dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến phân kỳ kinh phí ngân sách tỉnh										Dự kiến tổng các nguồn kinh phí giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú	
					2021		2022		2023		2024		2025		Ngân sách tỉnh		Nguồn TW	Nguồn XHH		Tổng cộng (NS tỉnh + TW + XHH)
					SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT				
	TỔNG				12.800	12.000	28.605	170.430	46.145	195.470	35.883	133.375	35.475	84.385	158.908	595.660	46.000	114.000	914.568	
II.2.10	Triển khai hệ thống loa truyền thanh thông minh tới từng xã thay thế hệ thống loa hiện tại nhằm truyền thông các thông tin về chính sách của Đảng, nhà nước đến bà con một cách ổn định và chính xác.	Sở TT&TT	- Các SBN; - UBND cấp huyện;	2023-2025					1.000		1.000		1.000		3.000	30.000		33.000	Nguồn vốn từ 03 CTMTQG	
II.2.11	Thuê Trung tâm dữ liệu dự phòng cho Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh	Sở TT&TT	Sở Tài chính	2023 - 2025				5.500		5.500		5.500		16.500				16.500		
III	KINH TẾ SỐ				600	3.450		4.600		2.923		2.450		14.023		2.000	12.000	28.023		
III.1	<i>Các nhiệm vụ thường xuyên tiếp tục triển khai; các dự án đã được cấp kinh phí</i>				<i>600</i>	<i>3.450</i>		<i>4.600</i>		<i>2.923</i>		<i>2.450</i>		<i>14.023</i>		<i>2.000</i>	<i>12.000</i>	<i>28.023</i>		

TT	Danh mục dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến phân kỳ kinh phí ngân sách tỉnh										Dự kiến tổng các nguồn kinh phí giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú	
					2021		2022		2023		2024		2025		Ngân sách tỉnh		Nguồn TW	Nguồn XHH		Tổng cộng (NS tỉnh + TW + XHH)
					SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT				
	TỔNG				12.800	12.000	28.605	170.430	46.145	195.470	35.883	133.375	35.475	84.385	158.908	595.660	46.000	114.000	914.568	
III.1.1	Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số.	Sở KH&ĐT; Sở TT&TT	- Các SBN; Hội Doanh nghiệp tỉnh. - UBND cấp huyện	2022-2025			1.900		1.900		1.900		2.000		7.700			7.700	QĐ 1092/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 (ĐA Hỗ trợ phát triển DN tỉnh ST đến năm 2025)	
III.1.2	Triển khai vận hành sàn thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng	Sở Công thương	- Các SBN; - UBND cấp huyện - Các doanh nghiệp	2022-2025			550		200		200		200		1.150			1.150		
	Xây dựng hệ thống tích hợp IOT để tuyên truyền quảng bá cho sản phẩm OCOP tỉnh Sóc Trăng	Sở Công thương	- Các SBN; - UBND cấp huyện;	2023 - 2025					1.500		250		250		2.000			2.000		

TT	Danh mục dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến phân kỳ kinh phí ngân sách tỉnh										Dự kiến tổng các nguồn kinh phí giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú	
					2021		2022		2023		2024		2025		Ngân sách tỉnh		Nguồn TW	Nguồn XHH		Tổng cộng (NS tỉnh + TW + XHH)
					SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT				
	TỔNG				12.800	12.000	28.605	170.430	46.145	195.470	35.883	133.375	35.475	84.385	158.908	595.660	46.000	114.000	914.568	
III.1.3	Triển khai dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt	NHNN CN tỉnh Sóc Trăng	- Các sở, ban, ngành; Hội Doanh nghiệp tỉnh. - UBND cấp huyện - Các doanh nghiệp	2022-2025														10.000	10.000	
III.1.4	Hỗ trợ doanh nghiệp đưa các sản phẩm của hộ kinh doanh cá thể, các hộ nông dân lên môi trường mạng; hướng dẫn hỗ trợ bán, mua hàng online	Sở Công thương; Sở TT&TT	- Các sở, ban, ngành; Hội Doanh nghiệp tỉnh. - UBND cấp huyện - Các doanh nghiệp	2022-2025														2.000	2.000	Nguồn XHH

TT	Danh mục dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến phân kỳ kinh phí ngân sách tỉnh										Dự kiến tổng các nguồn kinh phí giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú	
					2021		2022		2023		2024		2025		Ngân sách tỉnh		Nguồn TW	Nguồn XHH		Tổng cộng (NS tỉnh + TW + XHH)
					SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT				
	TỔNG				12.800	12.000	28.605	170.430	46.145	195.470	35.883	133.375	35.475	84.385	158.908	595.660	46.000	114.000	914.568	
III.1.5	Xây dựng công nghệ thông tin truy xuất nguồn gốc; ứng dụng truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm chủ lực của tỉnh. Đơn giản và chuẩn hóa quy trình hoạt động của từng chuỗi sản xuất nông nghiệp cùng với việc liên kết chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm.	Sở KH&CN	- Các sở, ban, ngành. - UBND cấp huyện - Các doanh nghiệp	2022-2025												2.000		2.000	Đã triển khai năm 2022	
III.1.6	Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ số trong quản lý, tổ chức sản xuất, kinh doanh, liên kết chuỗi cung ứng và tiêu thụ sản phẩm cho Hợp tác xã, doanh nghiệp	Sở KH&CN	- Các sở, ban, ngành. - UBND cấp huyện - Các doanh nghiệp	2021-2024	600		1.000		1.000		573				3.173			3.173	Nguồn SNKHCN (Quyết định số 2815/QĐ-UBND ngày 21/10/2021)	
IV	XÃ HỘI SỐ							700		700		800		2.200			102.000	104.200		
IV.1	<i>Các nhiệm vụ thường xuyên tiếp tục triển khai; các dự án đã được cấp kinh phí</i>							700		700		800		2.200				2.200		

TT	Danh mục dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến phân kỳ kinh phí ngân sách tỉnh										Dự kiến tổng các nguồn kinh phí giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú	
					2021		2022		2023		2024		2025		Ngân sách tỉnh		Nguồn TW	Nguồn XHH		Tổng cộng (NS tỉnh + TW + XHH)
					SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT				
	TỔNG				12.800	12.000	28.605	170.430	46.145	195.470	35.883	133.375	35.475	84.385	158.908	595.660	46.000	114.000	914.568	
IV.1.1	Triển khai Tổ công nghệ số cộng đồng	Sở TT&TT	- Các sở, ban, ngành. - UBND cấp huyện - Các doanh nghiệp	2022-2025															0	Huy động các tổ chức, đoàn thể hướng dẫn công nghệ số đến cộng đồng
IV.1.2	Nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp.	Sở TT&TT	- Các sở, ban, ngành. - UBND cấp huyện - Các doanh nghiệp	2024-2025					500			500			500				1.500	Từ năm 2023 thuê tổng đài 1022.
IV.1.3	Triển khai nền tảng số Công dân Sóc Trăng điện tử	Sở TT&TT	- Các sở, ban, ngành; - UBND cấp huyện	2022-2025					200			200			300				700	Nền tảng đã được đầu tư tại dự án II.1.4, đưa vào sử dụng từ 2022. Từ năm 2023 phổ biến, cập nhật số liệu, bổ sung tính năng mới

TT	Danh mục dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến phân kỳ kinh phí ngân sách tỉnh										Dự kiến tổng các nguồn kinh phí giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú	
					2021		2022		2023		2024		2025		Ngân sách tỉnh		Nguồn TW	Nguồn XHH		Tổng cộng (NS tỉnh + TW + XHH)
					SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT				
	TỔNG				12.800	12.000	28.605	170.430	46.145	195.470	35.883	133.375	35.475	84.385	158.908	595.660	46.000	114.000	914.568	
IV.2	<i>Các nhiệm vụ, dự án mới bổ sung trong Đề án này</i>																	102.000	102.000	
IV.2.1	Phổ cập điện thoại di động thông minh đảm bảo 100% người dân (trong độ tuổi từ Trung học cơ sở trở về sau) đảm bảo điều kiện có điện thoại di động thông minh	Sở TT&TT	Các Doanh nghiệp viễn thông	2023-2025														70.000	70.000	Tính theo 200.000 điện thoại cơ bản (feature phone); 370.000/máy/người
IV.2.2	Triển khai chương trình khuyến khích, hỗ trợ người dân sử dụng các ứng dụng thanh toán trực tuyến.	NHNN CN tỉnh Sóc Trăng	- Các sở, ban, ngành; Hội Doanh nghiệp tỉnh. - UBND cấp huyện - Các doanh nghiệp	Hàng năm														2.000	2.000	

Kinh phí thực hiện Đề án Chuyển đổi số tỉnh Sóc Trăng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nguồn vốn	Ngân sách tỉnh		Nguồn TW	Nguồn XHH	Tổng cộng (NS tỉnh + TW+ XHH)
	SN	ĐTPT			
Kinh phí đã được phân bổ trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, các kế hoạch, chương trình, dự án,...	119.808	482.825	16.000	12.000	630.633
Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ mới của Đề án	39.100	112.835	30.000	102.000	283.935
Tổng cộng	158.908	595.660	46.000	114.000	914.568

Kinh phí thực hiện Đề án Chuyển đổi số tỉnh Sóc Trăng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo lĩnh vực

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Nguồn vốn theo lĩnh vực	Ngân sách tỉnh		Nguồn TW	Nguồn XHH	Tổng cộng (NS tỉnh + TW+ XHH)
	SN	ĐTPT			
Chuyển đổi nhận thức	4.100				4.100
Chính quyền số	102.200	510.825	30.000		643.025
Kinh tế số	14.023		2.000	12.000	28.023
Xã hội số	2.200			102.000	104.200
Lĩnh vực ưu tiên	36.385	84.835	14.000		135.220
Tổng cộng	158.908	595.660	46.000	114.000	914.568